

BÀI 3 – NGHỆ THUẬT THUYẾT PHỤC TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

Môn học: Ngữ Văn/Lớp: 10

Thời gian thực hiện: 11 tiết

A. TỔNG QUAN

MỤC TIÊU BÀI HỌC	
1. Về kiến thức	- Học sinh nhận biết được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. - Học sinh phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. - Học sinh phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung của văn bản nghị luận. - Học sinh xác định được ý nghĩa của văn bản nghị luận, dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết. - Học sinh biết nhận ra và khắc phục những lỗi về mạch lạc, liên kết trong văn bản.
2.1 Về năng lực chung	- Học sinh phát triển: Tư duy phân biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....
2.2 Về năng lực đặc thù	- Học sinh viết được một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm. - Học sinh biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau.
3. Về phẩm chất	Học sinh có thái độ quý trọng hiền tài, biết đồng cảm với người khác và sống có trách nhiệm.
NỘI DUNG BÀI HỌC	
Độc	● Tri thức ngữ văn ● Hiền tài là nguyên khí của quốc gia ● Yêu và đồng cảm

	• Chữ bầu lên nhà thơ • Thế giới mạng & tôi
Thực hành Tiếng Việt	• Lỗi liên kết và mạch lạc trong đoạn văn, văn bản. Dấu hiệu nhận biết và cách chỉnh sửa.
Viết	• Viết một bài văn thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.
Nói và nghe	• Thảo luận về một vấn đề đời sống có ý kiến khác nhau
Củng cố mở rộng	

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

TIẾT 1. TRI THỨC NGŨ VĂN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- **Học sinh nhận biết** được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- **Học sinh phân tích** được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- **Học sinh phân tích** được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung của văn bản nghị luận.
- **Học sinh xác định** được ý nghĩa của văn bản nghị luận, dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.
- **Học sinh biết nhận ra và khắc phục** những lỗi về mạch lạc, liên kết trong văn bản.

2. Về năng lực

❖ Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....

3. Về phẩm chất: Học sinh có thái độ quý trọng hiền tài, biết đồng cảm với người khác và sống có trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ	
a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học	

b. Nội dung thực hiện:

- ❖ GV chuẩn bị câu hỏi khởi động: Hãy nhớ lại kiến thức về văn bản nghị luận và cho biết “Văn bản nghị luận là gì?”
- ❖ Học sinh hoàn thành bảng K – W – L để tìm hiểu kiến thức về văn bản nghị luận

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Học sinh suy nghĩ và dự trù câu trả lời

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh hoàn thiện phiếu K – W – L

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ kiến thức đã biết và mong muốn về bài học

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên dẫn dắt vào bài học

Phân chuẩn bị bài trình chiếu và phiếu của giáo viên.

K	W	L
Điều con đã biết	Điều con muốn biết	Điều con mong muốn biết thêm

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**a. Mục tiêu hoạt động:**

- ❖ **Học sinh nhận biết** được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- ❖ **Học sinh phân tích** được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- ❖ **Học sinh phân tích** được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung của văn bản nghị luận.
- ❖ **Học sinh xác định** được ý nghĩa của văn bản nghị luận, dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.

b. Nội dung thực hiện:

- ❖ Học sinh đọc phần “Tri thức ngữ văn” trong SGK và kết hợp đọc tài liệu bổ trợ giáo viên đưa
- ❖ Học sinh thảo luận nhóm và thực hiện phiếu học tập để tìm hiểu về văn bản nghị luận và các yếu tố chính trong văn bản nghị luận.

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao phiếu và chia lớp thành 3 nhóm theo dạng TAM GIÁC ĐA SẮC Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu Thời gian: 10 phút Chia sẻ: 3 phút Phản biện và trao đổi: 2 phút Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản về văn bản nghị luận	Phiếu học tập – <i>Phụ lục 1</i> Phân chia sẻ của Học sinh I. VĂN BẢN NGHỊ LUẬN 1. KHÁI NIỆM - Văn bản nghị luận là loại văn bản thể hiện chức năng thuyết phục thông qua một hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng được tổ chức chặt chẽ. Đề tài của văn bản nghị luận rất rộng, bao gồm mọi vấn đề của đời sống như chính trị, xã hội, đạo đức, triết học, nghệ thuật, văn học ,...Căn cứ vào đề tài được đề cập và nội dung triển khai có thể chia văn bản nghị luận thành nhiều tiểu loại, trong đó nghị luận xã hội và nghị luận văn học là hai tiểu loại phổ biến, quen thuộc. Ở những bối cảnh văn hóa và thời đại khác nhau, văn bản nghị luận có những đặc điểm riêng. - Khi viết văn bản nghị luận tùy vào tính chất của thể loại được chọn, các tác giả cũng thường chú ý sử dụng yếu tố biểu cảm và tự sự để làm tăng hiệu quả thuyết phục cho văn bản. 2. CÁC YẾU TỐ CHÍNH CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN a. Luận đề - Luận đề là vấn đề, tư tưởng, quan điểm, quan niệm...được tập trung bàn luận trong văn bản. Việc chọn luận đề để bàn luận luôn cho thấy rõ tầm nhận thức, trải nghiệm, sở trường, thái độ, cách nhìn nhận cuộc sống của người viết. Thông thường, luận đề của văn bản được thể
---	---

hiện rõ qua từ nhan đề.

Ví dụ:

- Bàn luận về sức mạnh của tình yêu thương (luận đề là: sức mạnh của tình yêu thương)
- Bàn luận về ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 đối với toàn cầu (luận đề là: ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 với toàn cầu).

b. Luận điểm

- Luận điểm là một ý kiến khái quát thể hiện tư tưởng, quan điểm, quan niệm của tác giả về luận đề. Nhờ hệ thống luận điểm (gọi nôm na là hệ thống ý), các khía cạnh cụ thể của luận đề mới được làm nổi bật theo một cách thức nhất định.

- Luận điểm cần được trình bày một cách rõ ràng, có hệ thống, có định hướng cụ thể và đảm bảo tính chính xác cao.

c. Lí lẽ, bằng chứng

- Lí lẽ, bằng chứng hay được gọi nôm na là luận cứ. Lí lẽ nảy sinh nhờ suy luận logic được dùng để giải thích và triển khai luận điểm, giúp luận điểm trở nên sáng tỏ và đứng vững. Bằng chứng là những căn cứ cụ thể, sinh động được triển khai từ thực tiễn hoặc từ các tài liệu sách báo nhằm xác nhận tính đúng đắn, hợp lí của lí lẽ.

Ví dụ minh họa về luận điểm và luận cứ

Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều. Chúng cướp không

	ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu. Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng. Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng. Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn. (Hồ Chí Minh – Tuyên ngôn Độc lập) Trong đoạn văn này, tác giả đã trình bày luận điểm dưới dạng tổng phân hợp. Để làm sáng tỏ luận điểm chính được đưa ra đó là “Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều” Tác giả đã đưa ra 4 luận cứ xác đáng, sau đó kết lại bằng câu “Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn” để nhấn mạnh và khẳng định lại một lần nữa tội ác của bọn thực dân.
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao phiếu học tập – HS vận dụng những tri thức đã đọc về bài văn nghị luận xã hội để hoàn thành phiếu Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh hoàn thành phiếu Thời gian: 10 phút Chia sẻ: 3 phút Phản biện và trao đổi: 2 phút Bước 3. Báo cáo, thảo luận	Phiếu học tập – Phụ lục 2 II. BÀI NGHỊ LUẬN XÃ HỘI Bài nghị luận xã hội là một trong nhiều dạng của văn nghị luận, đề cập các vấn đề xã hội được quan tâm rộng rãi, không đi vào những vấn đề, lĩnh vực quá chuyên sâu nhằm tạo được sự hồi đáp tích cực, nhanh chóng từ phía người đọc, người nghe. Đề tài của bài nghị luận xã hội rất phong phú, thường được xếp vào hai nhóm chính:

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản về bài nghị luận xã hội	- Bàn về một hiện tượng xã hội - Bàn về một tư tưởng đạo lí có tính phổ cập. Đáp ứng yêu cầu chung của một văn bản nghị luận, bài nghị luận xã hội cũng phải xác lập được luận đề rõ ràng, triển khai bằng hệ thống luận điểm tường minh với lí lẽ thuyết phục và bằng chứng xác đáng, có lời văn chính xác, sinh động. III. MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN, ĐOẠN VĂN - Mạch lạc là sự thống nhất ở bề sâu giữa các câu trong đoạn văn và giữa các đoạn văn trong văn bản (các câu xoay quanh tiểu chủ đề còn các đoạn thì cùng hướng tới chủ đề chung). - Liên kết là sự thống nhất có thể nhận ra được trên bề mặt ngôn từ giữa các câu trong đoạn văn trong văn bản nhờ sự hiện diện của những phương tiện, hình thức kết nối. - Trong một văn bản, các đoạn văn đều phải hướng về chủ đề hoặc luận đề chung được sắp xếp theo một trình tự hợp lí, nhằm giải quyết từng mục tiêu cụ thể như triển khai, mở rộng, khái quát vấn đề,... - Trong một đoạn văn các câu đều phải phục vụ chủ đề của đoạn văn và liên kết với nhau bằng phép lặp, phép thế, phép nối.
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào phần dữ liệu về văn bản nghị luận hãy chỉ ra luận điểm, luận cứ của đoạn văn sau	

b. Nội dung thực hiện HS đọc truyện kể và chia sẻ về các đặc trưng của truyện kể theo tri thức Ngữ văn với các bạn trong lớp.	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện đọc và ghi lại luận điểm và luận cứ trong đoạn văn Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Dữ liệu: <i>Tôi thấy Tế Hanh là một người tình lắm. Tế Hanh đã ghi được đôi nét rất thần tình về cảnh sinh hoạt trốn quê hương. Người nghe thấy cả những điều không hình sắc, không âm thanh như “mảnh hồn làng” trên “cánh buồm giương”, như tiếng hát của hương đồng quế rữ con đường quê nho nhỏ. Thơ tế hanh đã đưa ta vào một thế giới rất gần gũi thường ta chỉ thấy một cách mờ mờ, cái thế giới những tình cảm ta đã âm thầm trao cho cảnh vật: sự mệt mỏi say sưa của con thuyền lúc trở về bến, nỗi khổ đau chất chứa trên toa tàu nặng trĩu, những vui buồn sầu tủi của một con đường.</i> (Hoài Thanh, Thi nhân Việt Nam)
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Viết một đoạn văn ngắn khoảng 200 chữ bàn về ảnh hưởng tiêu cực của việc sử dụng mạng xã hội đối với giới trẻ ngày nay. b. Nội dung thực hiện: HS viết đoạn văn đảm bảo yêu cầu của giáo viên	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện viết bài Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình	Học sinh viết bài dựa trên những luận điểm đưa ra.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

Phụ lục 1. Phiếu học tập tìm hiểu về văn bản nghị luận

HỌ VÀ TÊN:



PHIẾU HỌC TẬP

TÌM HIỂU VỀ VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

Luận đề là gì?

Luận điểm là gì?



Khi viết một văn bản nghị luận, người ta có thể xây dựng được hệ thống luận điểm mà không cần phải xác định luận đề hay không?

Lí lẽ, bằng chứng có chức năng gì?



HỌ VÀ TÊN:

PHIẾU HỌC TẬP

TÌM HIỂU VỀ VĂN BẢN NGHỊ LUẬN



Em hiểu như thế nào về ý nghĩa tồn tại của văn bản nghị luận bàn về một vấn đề xã hội

Phụ lục 3. Rubric đánh giá hoạt động nhóm tìm hiểu về văn bản nghị luận

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài,	1 điểm Bài làm tương đối đầy	2 điểm Bài làm tương đối

	trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả	đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Bài làm tham khảo:

Cuộc sống ngày càng phát triển với sự bùng nổ của công nghệ thông tin. Chúng ta đang sống trong sự vận động nhanh chóng của thời đại công nghệ 4.0, thế giới kết nối không dây. Không thể phủ nhận những thành tựu Internet mang lại, tuy nhiên song hành với đó lại dấy lên vấn nạn nghiện Internet của giới trẻ.

Một thực trạng không thể phủ nhận rằng Internet hiện nay đang dần bao phủ cuộc sống con người thế kỷ XXI. Chỉ với một chiếc smartphone hay chiếc laptop trong tay, người ta dễ dàng truy cập Internet. Khắp các ga tàu, trường học, trung tâm thương mại đều được phủ sóng Wifi giúp mọi người tiếp cận thông tin một cách nhanh chóng. Từ nông thôn đến thành phố, không quá khó để bắt gặp những cửa hàng Internet với vài chục máy tính được nối mạng, những tiệm game cứ mọc lên ngày một dày đặc. Đối tượng khách hàng của những tiệm Net này chủ yếu là học sinh, sinh viên từ cấp THCS, THPT đến các sinh viên cao đẳng, đại học. Thậm chí thời gian phục vụ của các cửa hàng này là 24/24 giờ do nhu cầu cao của khách hàng. Hiện tượng ngồi lì trong quán Net suốt ngày đêm bỗng dưng trở nên phổ biến trong giới trẻ ngày nay, chúng say mê đến mức quên ăn, quên ngủ, thậm chí là quên luôn việc học. Không chỉ là game, giới trẻ ngày nay có rất nhiều trường hợp nghiện mạng xã hội như Facebook, Zalo. Có những người truy cập Facebook như một thói quen không thể bỏ. Những năm trở lại đây, người ta không quá xa lạ với hiện tượng “sống ảo”. Bất kì một hành động, trạng thái nào trong đời sống cũng được giới trẻ chụp ảnh “check-in”, chỉnh sửa và đăng lên Facebook. Những thực trạng đáng buồn trên chứng tỏ giới trẻ ngày nay đang sống quá lệ thuộc và trở thành những “con sâu mạng”. Vậy đâu là nguyên nhân cho thực trạng nghiện Internet ngày nay của lứa tuổi thanh niên? Trước hết bắt nguồn từ sức hấp dẫn khó cưỡng từ mạng: Internet chứa những thông tin vô cùng phong phú về tri thức, thời sự, kinh tế, xã hội, cả những nguồn giải trí dồi dào như phim ảnh, âm nhạc, trò chơi điện tử và khả năng liên lạc nhanh chóng qua chat, email. Những lợi ích mà Internet mang lại quả thật rất lớn, tuy nhiên nó cũng có khả năng đánh vào tâm lý người dùng, khiến họ sống phụ thuộc vào nó nếu không biết kiểm soát. Tuy nhiên cũng phải kể đến nguyên nhân sâu xa hơn nữa, phải chăng một phần do sự kiểm soát lỏng lẻo hay sự nuông chiều của các phụ huynh với con em mình? Rất nhiều thiếu niên đang tuổi đi học nhưng đã sở hữu những chiếc smartphone xa xỉ với đầy đủ tính năng tiện ích. Chính bởi những nguyên nhân trên mà Internet cũng mang đến nhiều hậu quả tiêu cực. Internet tạo nên một sự lãng phí lớn, nó đang dần lấy đi thời gian, tiền bạc, sức lực của giới trẻ. Rất nhiều thanh thiếu niên vì nghiện mạng xã hội mà bỏ bê xao nhãng học hành, thậm chí còn có hiện tượng lấy cắp tiền của gia đình để tiêu xài vào mạng Internet. Hơn nữa việc sống triền miên trong thế giới ảo còn dẫn đến lệch lạc trong nhân cách, trong khả năng nhận thức, giới trẻ dường như đang mất dần khả năng phản ứng và hòa nhập với thế giới thực. Rất nhiều vụ bắt cóc, thậm chí là giết người đã xảy ra từ những mối quan hệ ảo qua mạng Internet. Điều này không chỉ tổn hại đến bản thân các em mà còn tạo sự bất ổn trong đời sống cộng đồng. Là người hiện đại giữa thế kỷ XXI, chúng ta không thể làm ngơ trước vấn nạn nghiện mạng Internet đang diễn ra phổ biến, cần có những giải pháp cho

hiện tượng đáng báo động này. Trước hết mỗi cá nhân cần nhận thức lại bản thân, định hướng mục tiêu dài hạn hơn và biết kiểm soát hành động của mình. Giải trí là điều cần thiết sau những giờ làm việc, tuy nhiên cần biết hạn định bao nhiêu là đủ, đừng để bản thân mãi chìm đắm trong thế giới hư ảo. Thêm vào đó cần sự phối hợp của gia đình và nhà trường trong việc kiểm soát, điều chỉnh, giáo dục thế hệ trẻ. Bậc làm cha làm mẹ không nên quá nuông chiều con trẻ, lứa tuổi các em cần đặt việc học là trước nhất, trên những thú vui tiêu khiển nhất thời. Hơn nữa, nhà nước cũng cần có sự kiểm soát các cửa hàng kinh doanh dịch vụ Internet, kiểm soát các trang web đen và nội dung xấu trên mạng Internet. Mỗi người hãy chung tay đẩy lùi tệ nạn nghiện mạng xã hội, để cuộc sống chính chúng ta văn minh và phát triển hơn.

TIẾT 23,24. VĂN BẢN 1

HIỀN TÀI LÀ NGUYÊN KHÍ CỦA QUỐC GIA- Thân Nhân Trung

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ **Học sinh nhận biết** được đặc điểm và các yếu tố cấu tạo cơ bản của văn bản nghị luận thông qua một tác phẩm nghị luận điển hình thời trung đại Việt Nam.
- ❖ **Học sinh phân tích** được mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản. Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, từ đó nhận ra và đánh giá được mục đích, quan điểm của tác giả, ý nghĩa giá trị của văn bản.

+ **Chỉ ra** được quan niệm và thái độ của tác giả đối với hiền tài

+ **Chỉ ra** tác dụng của việc dựng bia

+ **Đánh giá** được nội dung và nghệ thuật của văn bản

2. Về năng lực:

- ❖ **Học sinh vận dụng** tri thức về văn bản nghị luận để tìm ra hệ thống luận điểm, luận cứ trong văn bản.
- ❖ **Học sinh vận dụng năng lực** viết để thực hành viết kết nối đọc sau bài học

3. Về phẩm chất: Học sinh có thái độ ứng xử đúng đắn với những bậc hiền tài, biết bày tỏ quan điểm riêng về các chính sách trọng dụng nhân tài mà mình được biết.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ	
a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học	
b. Nội dung thực hiện:	
❖ GV cho HS chơi trò chơi “NHÂN TÀI ĐẤT VIỆT” cùng tìm hiểu về các bậc nhân tài của nước ta.	
❖ HS theo dõi và nêu cảm nhận	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	<u>Đáp án:</u>

Giáo viên chiếu hình ảnh và các gợi ý liên quan tới nhân vật đó. Trong vòng 20 giây học sinh giơ tay giành quyền trả lời. Sau cùng giáo viên đưa ra câu hỏi: Em nghĩ gì khi nhìn thấy (trực tiếp hoặc qua phim ảnh) những hàng bia tiến sĩ ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội) Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	- Hình 1: LÊ QUÝ ĐÔN - Hình 2: LƯƠNG THẾ VINH - Hình 3: TÔN THẤT TÙNG - Hình 4: TRẦN ĐẠI NGHĨA
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh nhận biết được đặc điểm và các yếu tố cấu tạo cơ bản của văn bản nghị luận thông qua một tác phẩm nghị luận điển hình thời trung đại Việt Nam. ❖ Học sinh phân tích được mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, từ đó nhận ra và đánh giá được mục đích, quan điểm của tác giả, ý nghĩa giá trị của văn bản. + Chỉ ra được quan niệm và thái độ của tác giả đối với hiền tài + Chỉ ra tác dụng của việc dựng bia + Đánh giá được nội dung và nghệ thuật của văn bản ❖ Học sinh vận dụng năng lực viết để thực hành viết kết nối đọc sau bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ Học sinh tiến hành chia nhóm tìm hiểu theo các luận điểm của bài.	

❖ Học sinh thuyết trình – GV chốt ý và đánh giá sản phẩm

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm theo hình thức KHĂN TRẢI BÀN hoàn thành phiếu tìm hiểu bài.

Nhóm 1: Ghi lại 3 thông tin mà em biết về tác giả Thân Nhân Trung.

Nhóm 2: Nêu khái niệm về thể loại văn bia. Vì sao văn bia thường ngắn gọn và có ngôn ngữ cực kỳ hàm súc?

Nhóm 3: Hãy chỉ ra trong bài những câu văn cho thấy quan niệm và thái độ của tác giả đối với nhân tài.

Nhóm 4: Theo em, tác dụng của việc xây dựng bia là gì?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu

Thời gian: 10 phút – Hoặc các nhóm đã chuẩn bị trước bài qua phần tự học.

Chia sẻ: 3 phút

Phản biện và trao đổi: 2 phút

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản về nội dung – nghệ thuật của văn bản

A Tri thức Ngữ văn

B. Tìm hiểu văn bản 1

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. TÁC GIẢ

- Thân Nhân Trung (1418 - 1499), tự là Hậu Phủ, người làng Yên Ninh, huyện Yên Dũng (Bắc Giang).

- Ông đỗ Tiến sĩ năm 1469, là người nổi tiếng văn chương trong hội Tao đàn thời Hậu Lê, được Lê Thánh Tông tin dùng.

2. TÁC PHẨM

a. Hoàn cảnh ra đời:

- Năm 1484 Thân Nhân Trung vâng mệnh vua Lê Thánh Tông soạn Bài kí để danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ ba (Đại Bảo tam niên Nhâm Tuất khoa tiến sĩ đề danh kí) để khắc lên bia trong Văn Miếu, khởi đầu cho việc xây dựng bia ghi danh tiến sĩ sẽ thành truyền thống về sau.

- Hiện tại là nguyên khí của quốc gia là đoạn trích nằm trong bài văn bia nói trên. Trước đoạn này tác giả nêu chủ trương bồi dưỡng trọng dụng hiền tài của các triều vua Lê. Sau đoạn này là danh sách 33 vị đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442).

b. Thể loại: Văn bia

Văn bia là loại văn khắc trên bia đá gồm nhiều thể khác nhau, rất phổ biến thời trung đại thường ghi chép những sự kiện quan trọng hoặc tên tuổi sự nghiệp của những người có công đức lớn để lưu truyền hậu thế. Nhiều văn bia là những áng văn nghị luận độc đáo, giàu hình, chứa đựng giá trị tư tưởng, nhân văn sâu sắc.

Ví dụ: Các văn bia khác như: *An Hoạch sơn Báo Ân tự bi* do Chu Văn Thường soạn, niên đại Hội Phong 9 (1100) ở chùa Báo Ân núi An Hoạch (Đông Sơn – Thanh Hóa) đã ca ngợi

công tích rục rờ và đạo làm tôi của Thái úy Lý Thường Kiệt; *Lam Sơn Dụ lăng bi* – văn bia về vua Lê Hiến Tông do các viên Đông các Học sĩ Nguyễn Nhân Thiếp, Phạm Thịnh, Trình Chí Sâm viết...

c. Bố cục

Đoạn 1: Từ đầu → "...làm đến mức cao nhất": Vai trò quan trọng của hiền tài đối với quốc gia

Đoạn 2: Còn lại: Ý nghĩa của việc dựng bia, khắc tên người hiền tài.

II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Vai trò quan trọng của hiền tài đối với mỗi quốc gia

– “Hiền tài”: là những người vừa học cao, tài rộng vừa có đạo đức.

– “Nguyên khí”: là khí chất ban đầu, đóng vai trò nền tảng làm nên sự sống còn, phát triển của mỗi sự vật.

→ Từ đó, có thể thấy rằng, người tài cao, học rộng, có đức độ chính là khí chất ban đầu làm nên sự sống còn, sự phát triển của đất nước, xã hội.

→ Người hiền tài luôn có vai trò quan trọng đối với mỗi quốc gia, họ có ảnh hưởng to lớn và quan hệ sâu sắc đến sự thịnh – suy của mỗi quốc gia, đất nước, dân tộc.

2. Những việc làm, chính sách để khuyến khích người tài của bậc minh vương

– Những việc mà các bậc minh vương, các vị vua đã thực hiện: đề cao danh tiếng, xướng danh, ghi tên ở bảng vàng, ban chức tước hay ban yến tiệc,...

→ Những việc làm đó là chưa đủ

– Biện pháp lâu dài cần thực hiện đó chính là khắc bia tiến sĩ.

3. Ý nghĩa của việc cho khắc bia ghi tên tiến sĩ

– Khuyến khích nhân tài trong nhân dân, đất nước,.

	– Giúp ngăn ngừa những điều ác, điều xấu trong nhân dân. – Góp phần to lớn làm cho đất nước được giàu mạnh, hưng thịnh và phát triển bền vững lâu dài. 4. Bài học lịch sử rút ra từ việc khắc bia tiến sĩ – Trong bất cứ thời đại nào, hiền tài luôn là “nguyên khí của quốc gia”, vì vậy, phải biết quý trọng người tài. – Thể hiện một cách rõ nét và sâu sắc trong quan niệm về giáo dục của đất nước, của nhân dân ta, phải không ngừng phát triển giáo dục và trọng dụng người tài đức. III. TỔNG KẾT 1. Nội dung - Bài kí khẳng định tầm quan trọng của hiền tài đối với quốc gia, khắc bia tiến sĩ là việc khích lệ nhân tài không những có ý nghĩa lớn đối với đương thời mà còn có ý nghĩa lâu dài đối với hậu thế - Thể hiện tấm lòng của Thân Nhân Trung với sự nghiệp xây dựng đất nước 2. Nghệ thuật - Kết cấu chặt chẽ, lập luận khúc chiết, giàu sức thuyết phục - Luận điểm, luận cứ rõ ràng; lời lẽ sắc sảo, thấu tình đạt lý
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Viết đoạn văn khoảng 150 chữ nêu suy nghĩ của em về sự cần thiết của việc trọng dụng nhân tài. HS thực hành viết kết nối đọc theo hướng dẫn của GV	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc	Bài làm mẫu Trần Nhân Trung từng nói: “Hiền tài là nguyên khí quốc gia”. Quốc gia hưng hay thịnh phụ thuộc vào tư tưởng, trí tuệ của hiền tài, bởi vậy mà việc trọng dụng hiền tài là rất cần thiết. Hiền tài là những con người có học thức, có trí tuệ, giỏi giang

Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	hơn người khác và quan trọng là có nhân cách tốt đẹp. Người vừa có tài, có khả năng hoàn thành mọi công việc; vừa có đức, có phẩm chất đạo đức biết sống hết mình vì mọi người, biết cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư,... mới là hiền tài chân chính, là người được quốc gia trọng dụng, đưa đất nước phát triển về mọi mặt. Việc trọng dụng nhân tài, hiền tài là không thể thiếu trong quá trình dựng nước và giữ nước. Từ xưa các bậc đế vương đã biết kêu gọi hiền tài, đề ra những chính sách hấp dẫn nhân tài, đưa ra những ích lợi, phần thưởng cho hiền tài và Hồ chủ tịch cũng đã bao lần kêu gọi hiền tài góp sức cho đất nước trong các cuộc kháng chiến, đề cao việc trọng dụng hiền tài. Dưới sự kêu gọi của Người, rất nhiều những nhân tài, hiền tài đã đứng lên đóng góp tài năng và trí tuệ của mình: các bậc trí thức tân tiến tài giỏi như Vũ Đình Tụng, Nguyễn Văn Huyền, Hoàng Minh Giám, Trần Văn Giàu, ... Dưới sự đóng góp của họ, đất nước ta đã chiến thắng các cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ, đất nước tiến dần với nền độc lập, hòa bình. Nếu hiền tài không được kêu gọi, không được trọng dụng thì đất nước sẽ không thể tiến lên, không có sự hưng thịnh như ngày nay. Vì vậy, noi theo tấm gương của các bậc đế vương và Hồ chủ tịch, Đảng và Nhà nước ta hiện nay vẫn đề cao vai trò của việc trọng dụng hiền tài, kêu gọi hiền tài đóng góp công sức cho đất nước mình.
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Liên hệ thực tế: Hiện nay, các tập đoàn lớn tuyển dụng nhân tài như thế nào? b. Nội dung thực hiện: HS thực hiện một bài luận ngắn về một trong các chủ đề cho sẵn	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ	HS sáng tạo theo hiểu biết và trí tưởng tượng của cá nhân Gợi ý cho HS thực hiện

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài luận ngắn Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	<i>Tham khảo phụ lục</i>
--	---------------------------------

Phụ lục 1. Phiếu tìm hiểu về tác giả về thể văn bia (Dành cho GV muốn thay thế HĐ thảo luận thành làm phiếu)

PHIẾU HỌC TẬP

TÌM HIỂU VỀ TÁC GIẢ - TÁC PHẨM



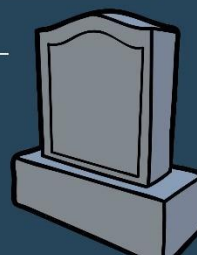
Ghi lại 3 thông tin mà em biết về tác giả Thân Nhân Trung

1

2

3

Nêu khái niệm về thể loại văn bia. Vì sao văn bia thường ngắn và có ngôn ngữ cực kỳ hàm súc?



PHIẾU HỌC TẬP

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

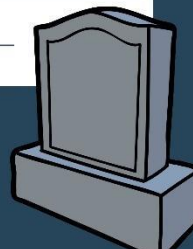


1

Hãy chỉ ra trong bài những câu văn cho thấy quan niệm và thái độ của tác giả đối với nhân tài.

2

Theo em, tác dụng của việc xây dựng bia là gì?



Phụ lục 2. Rubric chấm phần thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 3. Rubric chấm bài viết viết KẾT NỐI VỚI ĐỌC

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 4. Hoạt động vận dụng, liên hệ

Khác với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp hay tập đoàn lớn sẽ có kênh tuyển dụng của riêng mình, không cần sử dụng kênh tuyển dụng trực tuyến từ bên ngoài.

Mọi thông tin tuyển dụng được công khai trên web doanh nghiệp, với đầy đủ thông tin nhiệm vụ, yêu cầu, thời gian ứng tuyển. Kèm theo đó là đường link nộp hồ sơ trực tiếp đến phòng nhân sự doanh nghiệp.

Đây là cách tuyển dụng thông qua phỏng vấn cho hầu hết mọi chức danh trong doanh nghiệp, tập đoàn. Với khối lượng lớn hồ sơ ứng tuyển, để quản lý hiệu quả, tất cả đều nhờ phần mềm quản lý tuyển dụng nhân sự chuyên nghiệp.

TIẾT 28,29. VĂN BẢN 2

YÊU VÀ ĐỒNG CẢM - Phong Tử khái

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ **Học sinh** nêu một số thông tin về tác giả và tác phẩm
- ❖ **Học sinh hiểu** được luận đề của văn bản nghị luận và cách tác giả xây dựng luận điểm, huy động lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận đề.
- ❖ **Học sinh cảm nhận** được chiều sâu quan niệm của tác giả về một vấn đề đời sống và nghệ thuật, đánh giá được hiệu quả của việc sử dụng yếu tố tự sự trong văn bản.
- ❖ **Học sinh thấy** được ý nghĩa của sự thấu hiểu, đồng cảm trong giao tiếp đời thường và giao tiếp nghệ thuật.

2. Về năng lực

- ❖ **Học sinh vận dụng** năng lực cảm thụ văn học để đọc hiểu văn bản theo thể loại
- ❖ **Học sinh vận dụng** năng lực ngôn ngữ để viết kết nối đọc

3. Về phẩm chất: **Học sinh ý thức** được tầm quan trọng của sự đồng cảm trong cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
2. **Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ GV cho HS xem video về khái niệm đồng cảm. ❖ Link video: https://youtu.be/xD7Q5wG-2Vs ❖ Phân đặt câu hỏi cho học sinh: Em hiểu như thế nào về sự đồng cảm trong cuộc sống? Khi bày tỏ sự đồng cảm với người khác hoặc khi nhận được sự đồng cảm của ai đó, bạn có tâm trạng như thế nào?	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên chiếu video Thu thập câu trả lời của học sinh Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	<i>GV dẫn dắt vào bài học</i> <i>Tìm hiểu về văn bản Yêu và đồng cảm</i>

Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh nêu một số thông tin về tác giả và tác phẩm ❖ Học sinh hiểu được luận đề của văn bản nghị luận và cách tác giả xây dựng luận điểm, huy động lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận đề. ❖ Học sinh cảm nhận được chiều sâu quan niệm của tác giả về một vấn đề đời sống và nghệ thuật, đánh giá được hiệu quả của việc sử dụng yếu tố tự sự trong văn bản. ❖ Học sinh thấy được ý nghĩa của sự thấu hiểu, đồng cảm trong giao tiếp đời thường và giao tiếp nghệ thuật. b. Nội dung thực hiện: ❖ Học sinh hoàn thiện phiếu học tập tìm hiểu chung về tác giả tác phẩm ❖ Học sinh chia nhóm thảo luận để tìm hiểu nội dung văn bản ❖ Học sinh phát vấn, thảo luận về tầm quan trọng của sự đồng cảm trong hoạt động sáng tạo nghệ thuật.	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên phát phiếu học tập HS đọc thông tin, tìm hiểu và hoàn thành phiếu tìm hiểu chung về tác phẩm Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu Thời gian: 10 phút Chia sẻ: 3 phút	I. Những nét chính về tác giả, tác phẩm 1. Tác giả <i>a. Tiểu sử</i> - Phong Tử Khải (1898-1975) là nhà tản văn, họa sĩ, dịch giả và nhà lí luận giáo dục âm nhạc, nghệ thuật nổi tiếng của Trung Quốc - Ông từng tôn Pháp sư Hoàng Nhất (Lý Thúc Đồng) làm thầy, thông hiểu văn hóa Trung Quốc lẫn phương Tây. <i>2. Phong cách sáng tác</i> - Tản văn của ông có phong cách bình dị mộc mạc, ý nghĩa

Phản biện và trao đổi: 2 phút Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	khoan hậu nhân từ mà sâu sắc, và cả sự thú vị hồn nhiên như trẻ thơ, là những giai phẩm được tôn sùng trong văn học hiện đại Trung Quốc, nhiều lần được chọn đưa vào sách giáo khoa Ngữ văn bậc tiểu học và trung học. - Tản văn và những bức “mạn họa” của ông được công chúng đặc biệt yêu thích bởi sự dung dị, thuần khiết mà ẩn chứa nhiều suy nghiệm thâm sâu của người thông hiểu cả văn hóa phương Đông lẫn văn hóa phương Tây. - Trong các sáng tác của mình, ông luôn đề cao tầm lòng thơ trẻ trong cách nhìn đời và thực hành nghệ thuật - Tranh của ông hài hước dí dỏm, lưu truyền rộng rãi, được nhiều người yêu thích, sưu tầm. 2. Tác phẩm a. Xuất xứ - Văn bản <i>Yêu và đồng cảm</i> được trích trong tập <i>Sống vốn đơn thuần</i> của Phong Tử Khải, là chương 5 của cuốn sách, có tiêu đề là <i>Sống mà học nghệ thuật</i>. - <i>Sống vốn đơn thuần</i> là tập văn - họa khá đặc trưng cho phong cách viết, vẽ của tác giả b. Bố cục 4 phần: - Phần 1: đoạn 1 + 2: những cảm nhận ban đầu và cách lý giải của tác giả về lòng đồng cảm - Phần 2: đoạn 3: cách thể hiện và ý nghĩa của lòng đồng cảm - Phần 3: đoạn 4 + 5: đối tượng của lòng đồng cảm và điểm tương đồng trong sự đồng cảm giữa trẻ em và người nghệ sĩ - Phần 4: đoạn 6: thông điệp gửi gắm của tác giả mong muốn mọi người hãy có lòng đồng cảm với vạn vật trong cuộc sống thường ngày
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	II. Đọc hiểu văn bản

Giáo viên chia 4 nhóm để HS tìm hiểu về văn bản Nhóm Nhạc sĩ . Em hãy tìm trong văn bản những đoạn, những câu nói về trẻ em và cho biết vì sao tác giả lại nhắc nhiều đến trẻ em và tới tuổi thơ như vậy? Nhóm Thám tử. Xác định nội dung trọng tâm của từng phần đã được đánh số trong văn bản và đánh giá sự liên kết giữa các phần Nhóm Họa sĩ. Tác giả đã phát hiện điểm tương đồng gì giữa trẻ em và người nghệ sĩ? Nhóm Nhà văn. Theo em, nếu không có đoạn kể về chú bé giúp tác giả sắp xếp đồ đạc ở phần 1, sức hấp dẫn, thuyết phục của văn bản Yêu và đồng cảm sẽ bị ảnh hưởng như thế nào? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và trả lời Có thể dựa vào phiếu học tập gợi ý Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	1. Những cảm nhận ban đầu và cách lý giải của tác giả về lòng đồng cảm. (đoạn 1+ 2) - Mở đầu bằng một câu chuyện: cậu bé lật chiếc đồng hồ quả quýt úp xuống bàn; chuyển chén trà đặt phía sau quai ấm trà lên trước vôi ẩm; bắc ghế treo lên giầu dây treo tranh trên tường buông thông thò ra ngoài. - Câu chuyện về sự đồng cảm => sự chú ý để tâm đến đồ vật, sự bày trí sắp xếp vị trí của chúng có thoải mái thì người nhìn vào mới cảm thấy dễ chịu. - Tâm cảnh trước cái đẹp là thủ pháp thường dùng trong văn miêu tả, là vấn đề cấu trúc thường gặp trong hội họa. => Tất cả đều được phát triển từ hội họa. => Người nghệ sĩ phải có lòng đồng cảm bao la như tấm lòng trời đất. - Chiêm nghiệm về cách nhìn đời của những người có nghề nghiệp khác nhau: + Cùng một gốc cây nhưng nhà khoa học, bác làm vườn, chú thợ mộc, anh họa sĩ lại có cách nhìn nhận khác nhau. + Nhà khoa học nhìn thấy được tính chất và trạng thái của nó, bác làm vườn thấy sức sống của nó, chú thợ mộc nhìn thấy chất liệu của nó, anh họa sĩ thấy dáng vẻ của nó. => Tiêu chuẩn giá trị trong thế giới của Mĩ khác hẳn trong thế giới của Chân và Thiện. Chúng ta chỉ thưởng thức dáng vẻ, màu sắc, hình dạng của sự vật chứ không quan tâm tới giá trị thực tiễn của chúng. => <i>Vì vậy tấm lòng người nghệ sĩ đối với mọi sự vật trên đời đều phải đồng cảm và nhiệt thành.</i>
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên đặt câu hỏi phát vấn tìm	2. Cách thể hiện và ý nghĩa của lòng đồng cảm - Cách thể hiện lòng đồng cảm của người nghệ sĩ:

hiểu về nội dung của đoạn văn: - Phải chăng đồng cảm là một phẩm chất không thể thiếu ở người nghệ sĩ? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	+ Họa sĩ đưa tấm lòng mình về trạng thái hồn nhiên của trẻ em, đặt lòng mình vào biểu cảm đau khổ của người ăn mày. + Cùng buồn cùng vui, cùng khóc cùng cười với đối tượng miêu tả. - Ý nghĩa của lòng đồng cảm: + Nhờ có lòng đồng cảm như thế người họa sĩ có được sức mạnh tinh thần phong phú mà dư dật. + Nếu không có lòng đồng cảm bao la như thế thì người nghệ sĩ không thể trở thành người họa sĩ thực thụ được. + Nghệ sĩ lớn ắt phải là người có nhân cách vĩ đại. 3. Đối tượng của lòng đồng cảm và điểm tương đồng trong sự đồng cảm giữa trẻ em và người nghệ sĩ - Đối tượng của lòng đồng cảm: + Lòng đồng cảm của nghệ sĩ không chỉ dành cho đồng loại mà còn trải khắp sinh vật và phi sinh vật ở mọi nơi. + Nếu chúng ta bước được vào thế giới của Mĩ, mở rộng lòng để biết đồng cảm nhiều hơn với vạn vật thì sẽ cảm nhận được rõ rệt những tình cảnh ấy. - Sự đồng điệu giữa trẻ em và người nghệ sĩ + Tác giả cho rằng trẻ em giàu lòng đồng cảm hơn. + Chúng không chỉ biết đồng cảm với con người mà còn biết đồng cảm với thế giới tự nhiên như chó mèo, chim cá, bướm sâu...chúng hồn nhiên trò chuyện. + Chúng thường để ý và quan tâm đến những điều mà người lớn không quan tâm đến, phát hiện ra những điểm mà người lớn không phát hiện đến. + Bản chất của trẻ thơ là nghệ thuật. => Tác giả thường nhắc tới trẻ em vì: theo tác giả trẻ em là người đã dạy cho người nghệ sĩ và tất cả chúng ta cách nhìn đời, cách nhận ra mối tương thông giữa vạn vật về sự cần thiết
---	--

	phải duy trì sự hồn nhiên, vô tư trong suốt khi ứng xử với thế giới, với nghệ thuật. => Con người ta vốn là nghệ thuật, vốn giàu lòng đồng cảm. Chỉ vì lớn lên bị một số yếu tố bên ngoài tác động nên tấm lòng ấy bị dồn ép, cản trở và dần trở nên hao mòn. Chỉ có người thông minh, không khuất phục mới giữ được tấm lòng đáng quý ấy của họ. Đó mới là người nghệ sĩ thực thụ. 4. Thông điệp gửi gắm của tác giả - Chỉ cần đặt tình cảm của mình vào tác phẩm nghệ thuật hoặc thiên nhiên đẹp đẽ, đồng cảm với chúng, bạn sẽ hiểu được cái đẹp của chúng. - Chúng ta vẫn có thể thấy được thời hoàng kim của tuổi thơ, thấy thế giới hạnh phúc, nhân ái và hòa bình nhờ vào việc bồi đắp nghệ thuật. - Mỗi cá nhân biết yêu thương và cảm thông với người khác III. TỔNG KẾT 1. Nội dung - Cho thấy lòng đồng cảm luôn hiện hữu trong cuộc sống của con người và tác động đến cả vạn vật xung quanh - Khẳng định giá trị và ý nghĩa của lòng đồng cảm đối với con người, giúp cuộc sống nhiều cảm xúc và con người có thể gần gũi, gắn kết nhau hơn - Lòng đồng cảm không chỉ giữa con người với nhau mà còn giữa con người với thiên nhiên, vạn vật 2. Nghệ thuật - Ngôn từ mộc mạc, dễ hiểu - Cách triển khai ý và luận điểm trong văn bản rõ ràng, logic - Văn phong tự nhiên, dễ tiếp nhận
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào nội dung tìm hiểu tác phẩm viết kết nối đọc: Sự đồng cảm tạo nên vẻ	

đẹp gắn kết của thế giới

b. Nội dung thực hiện

HS thực hành viết kết nối đọc theo hướng dẫn của GV

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên giao nhiệm vụ

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

Bài làm mẫu

Một nhà văn Nga đã từng nói: “Nơi lạnh nhất không phải là Bắc cực mà là nơi không có tình thương”. Con người cần có sự đồng cảm để sưởi ấm trái tim, gắn kết con người với con người, tạo nên một thế giới tươi đẹp. Đồng cảm là sự đồng điệu trong cảm xúc, là biết rung cảm trước những vui buồn của người khác, đặt mình vào hoàn cảnh của người khác để hiểu và cảm thông với họ. Sự đồng cảm không chỉ là giữa người với người mà còn là sự đồng cảm giữa người với vật; cần có sự đồng cảm với mọi vật trên đời để có một tấm lòng cao cả, có một mối quan hệ tốt đẹp và hơn hết là một cuộc sống luôn hạnh phúc. Sự đồng cảm được thể hiện qua hành động như xây dựng nên những tổ chức Quỹ chữ thập đỏ, Trái tim cho em, Phong trào kế hoạch nhỏ thu gom giấy vụn, ... mang tấm lòng đồng cảm đến mọi người. Hay đồng cảm với sự vật bằng cách hòa mình vào chúng, mang theo cái nhìn đầy tình cảm để thưởng thức và ngắm nhìn mọi vật một cách nhân tính hóa. Sự đồng cảm có vai trò quan trọng góp phần hoàn thiện nhân cách con người, xây dựng một xã hội văn minh, nhân ái, làm cho mối quan hệ giữa người với người trở nên tốt đẹp hơn, thân thiện hơn, gắn bó hơn... Tuy nhiên thế hệ trẻ ngày nay vẫn còn một số bộ phận thanh thiếu niên không có sự đồng cảm, sống ích kỉ, thờ ơ với mọi thứ, gây ảnh hưởng đến sự phát triển của xã hội. Đồng cảm là một lối sống đẹp, một lối ứng xử giữa người với người cần được gìn giữ và phát huy. Lối ứng xử tốt đẹp đó không chỉ sưởi ấm lòng người khác, đem lại hạnh phúc cho chính mình mà đồng cảm còn tạo

	nên vẽ đẹp gắn kết của thế giới.
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng liên hệ: Nhà thơ Xuân Diệu từng viết: “Hãy nhìn đời bằng đôi mắt xanh non” (Đôi mắt xanh non, trong tập <i>Riêng chung</i> , NXB Văn học, Hà Nội, 1960). Dựa vào nội dung văn bản <i>Yêu và đồng cảm</i> , hãy thử nêu lí do khiến nhà thơ Xuân Diệu đề nghị như vậy. b. Nội dung thực hiện: HS trình bày và chia sẻ ý tưởng	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy ngẫm và thực hiện Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Gợi ý: Lí do khiến nhà thơ Xuân Diệu đề nghị như vậy: - Đôi mắt xanh non là chỉ đôi mắt của trẻ con, nhìn đời một cách ngây thơ, hồn nhiên nhất để cảm nhận thế giới trong một màu hồng tươi đẹp. - Nhìn đời bằng đôi mắt của trẻ nhỏ sẽ giúp ta cảm nhận cuộc sống dưới một góc độ tươi đẹp hơn, không có sự mệt mỏi và chỉ tràn đầy niềm vui, hạnh phúc. - Nhà thơ muốn quay trở lại tuổi thơ, trở lại hình hài của một đứa trẻ để cảm nhận được tình yêu, niềm hạnh phúc khi được vui chơi mà không cần lo nghĩ việc đời.

Phụ lục 1. Phiếu tìm hiểu chung

PHIẾU HỌC TẬP

VĂN BẢN: YÊU VÀ ĐỒNG CẢM

Điền dấu x vào ô trống trước câu trả lời đúng về thông tin của tác giả và tác phẩm

- ☐ Phong Tử Khải (1898-1975) là nhà văn, họa sĩ, dịch giả và nhà lí luận giáo dục âm nhạc, nghệ thuật nổi tiếng của Việt Nam.
- ☐ Ông từng tôn Pháp sư Hoằng Nhất (Lý Thúc Đồng) làm thầy, thông hiểu văn hóa Trung Quốc lẫn phương Tây.
- ☐ Tranh của ông hài hước dí dỏm, lưu truyền rộng rãi, được nhiều người yêu thích, sưu tầm.
- ☐ Văn bản Yêu và đồng cảm được trích trong tập Sống vốn đơn thuần của Phong Tử Khải, là chương 8 của cuốn sách, có tiêu đề là Sống mà học nghệ thuật.
- ☐ Sống vốn đơn thuần là tập văn - họa khá đặc trưng cho phong cách viết, vẽ của tác giả

Phụ lục 2. Phiếu tìm hiểu văn bản

PHIẾU HỌC TẬP

VĂN BẢN: YÊU VÀ ĐỒNG CẢM

Nhóm Họa sĩ

Tác giả đã phát hiện điểm tương đồng gì giữa trẻ em và người nghệ sĩ?

Nhóm thám tử

Theo em, nếu không có đoạn kể về chú bé giúp tác giả sắp xếp đồ đạc ở phần 1, sức hấp dẫn, thuyết phục của văn bản Yêu và đồng cảm sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?

PHIẾU HỌC TẬP

VĂN BẢN: YÊU VÀ ĐỒNG CẢM

Nhóm Nhạc sĩ

Em hãy tìm trong văn bản những đoạn, những câu nói về trẻ em và cho biết vì sao tác giả lại nhắc nhiều đến trẻ em và tới tuổi thơ như vậy?

Nhóm thám tử

Xác định nội dung trọng tâm của từng phần đã được đánh số trong văn bản và đánh giá sự liên kết giữa các phần

Phụ lục 3. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 4. Rubric chấm bài viết kết nối đọc

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

TIẾT 30,31. VĂN BẢN 3

CHỮ BÀU LÊN NHÀ THƠ- Lê Đạt

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ Học sinh nêu một số thông tin về tác giả, tác phẩm
- ❖ Học sinh nhận biết được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận bàn về một vấn đề văn học.
- ❖ Học sinh phân tích được quan niệm độc đáo của nhà thơ Lê Đạt về yếu tố then chốt trong sáng tạo thơ, cũng là yếu tố làm nên khuôn mặt riêng biệt của thơ so với các loại hình sáng tác ngôn từ khác.

2. Về năng lực

- ❖ Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ và cảm thụ văn học để đọc hiểu văn bản nghị luận
- ❖ Học sinh vận dụng năng lực viết để thực hành viết đoạn văn kết nối đọc

3. Về phẩm chất: Học sinh nhận thức được đầy đủ hơn về lao động thơ và nhà thơ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ	
a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học	
b. Nội dung thực hiện:	
❖ GV cho HS chơi trò chơi: GIẢI Ô CHỮ	
❖ Nội dung các ô chữ là tên của một số nhà thơ nổi tiếng	
❖ Cuối cùng Giáo viên đặt câu hỏi phát vấn	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	Gợi ý đáp án

Giáo viên chiếu hình ảnh Giáo viên đặt câu hỏi phát vấn sau khi kết thúc trò chơi: <i>Trong hình dung của em, nhà thơ phải là người như thế nào? Em có cho rằng việc làm thơ gắn liền với những phút cao hứng, “bốc đồng”?</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	- Ô chữ 1: TỔ HỮU - Ô chữ 2: HUY CẬN - Ô chữ 3: XUÂN DIỆU - Ô chữ 4: CHẾ LAN VIÊN - Ô chữ 5: TẾ HẠNH
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh nêu một số thông tin về tác giả, tác phẩm ❖ Học sinh nhận biết được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận bàn về một vấn đề văn học. ❖ Học sinh phân tích được quan niệm độc đáo của nhà thơ Lê Đạt về yếu tố then chốt trong sáng tạo thơ, cũng là yếu tố làm nên khuôn mặt riêng biệt của thơ so với các loại hình sáng tác ngôn từ khác. b. Nội dung thực hiện: ❖ Học sinh hoàn thiện phiếu học tập tìm hiểu chung về tác giả tác phẩm ❖ Học sinh chia nhóm thảo luận để tìm hiểu về văn bản ❖ Học sinh phát vấn, thảo luận về nghệ thuật và quan niệm của Lê Đạt	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên phát phiếu học tập HS đọc thông tin, tìm hiểu và hoàn	I. Những nét chính về tác giả, tác phẩm 1. Tác giả - Lê Đạt tên thật là Đào Công Đạt, (10/09/1929 - 21/04/2008),

thành phiếu tìm hiểu chung về tác phẩm Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu Thời gian: 10 phút Chia sẻ: 3 phút Phản biện và trao đổi: 2 phút Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	là một nhà thơ Việt Nam - Ông quê ở Bắc Giang nhưng sinh ra tại Yên Bái - Ông là một trong những nhân vật trụ cột của phong trào nhân văn giai phẩm. - Năm 2007, cùng với ba nhà thơ khác của Phong trào Nhân văn - giai phẩm là Trần Dần, Phùng Quán và Hoàng Cầm, ông được nhận Giải thưởng nhà nước về Văn học nghệ thuật. - Ông mất ngày 21/04/2008 tại Hà Nội. - Về thơ, Lê Đạt tự nhận mình là phu chữ, vì thơ ông viết rất kỹ tính, cẩn thận từng câu chữ, chọn lọc, suy nghĩ và dằn vặt rất nhiều. 2. Tác phẩm a. Hoàn cảnh sáng tác và xuất xứ - Văn bản được in lần đầu trên báo Văn nghệ, số 34, năm 1994 - Tiểu luận thể hiện rõ quan niệm của Lê Đạt về nghề thơ, giúp soi sáng phần nào hướng tìm tòi độc đáo trong thơ ông. b. Bố cục - Đoạn 1: Những ý kiến được nhà thơ phát biểu ở các diễn đàn khác nhau, xoay quanh đặc thù của lao động thơ, của ngôn từ trong thơ. - Đoạn 2: Đối thoại với những quan niệm mà tác giả không đồng tình trên vấn đề lao động thơ và nhận diện tâm vóc nhà thơ qua cách nhà thơ tìm phiếu ủng hộ từ “cử chi chữ” - Đoạn 3: Luận về sự thống nhất mà khác biệt giữa các con đường thơ và thước đo một nhà thơ chân chính.
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên phát Phiếu tìm hiểu văn bản Chia lớp thành 4 nhóm theo hình thức KHẼN TRẢI BÀN. - Nhóm 1: Nêu những ý kiến được	II. Đọc hiểu văn bản 1. Những ý kiến được nhà thơ phát biểu ở các diễn đàn khác nhau, xoay quanh đặc thù của lao động thơ, của ngôn từ trong thơ. - Tại cuộc Hội thảo Văn miếu và trong tập Bóng chữ, nhà thơ

nhà thơ phát biểu ở các diễn đàn - Nhóm 2: Tác giả không trực tiếp định nghĩa khái niệm chữ. Dựa vào “ý tại ngôn ngoại” của văn bản, em hãy thử thực hiện công việc này. - Nhóm 3: “Không có chức nhà thơ suốt đời”, vậy lúc nào có một nhà thơ không còn là nhà thơ nữa? - Nhóm 4: Bài viết của Lê Đạt đã giúp em hiểu thêm gì về hoạt động sáng tạo thơ ca? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ câu trả lời Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	phát biểu: + Văn xuôi chủ yếu dựa vào “ý tại ngôn tại” + Thơ khác hẳn, dựa vào “ý tại ngôn ngoại” Đã “ý tại ngôn ngoại” tất nhiên phải cô đúc và đa nghĩa. + Người ta làm thơ không phải bằng ý mà bằng chữ. + Nhà thơ làm chữ chủ yếu không phải ở “nghĩa tiêu dùng” nghĩa tự vị của nó mà ở diện mạo, âm lượng, độ vang vọng, sức gợi cảm của chữ trong tương quan hữu cơ với câu, bài thơ. + Nói như Va – lê – ri, chữ trong thơ và văn xuôi tuy giống nhau về hình thức nhưng khác nhau về hóa trị. - Nhà thơ đã đưa ra sự khác nhau giữa ngôn ngữ trong văn và ngôn ngữ thơ. 2. Đối thoại với những quan niệm mà tác giả không đồng tình trên vấn đề lao động thơ và nhận diện tầm vóc nhà thơ qua cách nhà thơ tìm phiếu ủng hộ từ “cử chi chữ” - Tác giả đã tranh luận với hai quan niệm khá phổ biến: + Thơ gắn liền với những cảm xúc bộc phát, bốc đồng, làm thơ không cần cố gắng + Thơ là vấn đề của những năng khiếu đặc biệt xa lạ với lao động làm lũi và nỗ lực trau dồi học vấn. - Để minh chứng cho lí lẽ của mình, nhà thơ đã đưa các nhà văn, nhà diễn thuyết nổi tiếng để tạo căn cứ cho luận điểm. Ví dụ: + Tôn – xtoi đã chữa đi chữa lại nhiều lần cuốn tiểu thuyết “Chiến tranh và hòa bình” + Phlo – be cân nhắc chữ trên cân tiểu li như người thầy thuốc - Tác giả không đồng tình với định kiến: các nhà thơ Việt Nam thường chín sớm nên cũng lụi tàn sớm. Đó là những nhà thơ chủ yếu sống bằng vốn trời cho. - Nhà thơ bày tỏ sự kính trọng đối với những nhà thơ một nắng
--	---

hai sương, lằm lũi, lục điền trên cánh đồng giấy, đổ bát mồ hôi lấy từng hạt chữ.

- Ông đưa những tấm gương nhà thơ: Lý Bạch, Xa – a – đi, Gót, Ta – go làm minh chứng.

=> Tác giả muốn người đọc đừng dễ dãi tin vào những nhận định phổ biến mà cần phải đào sâu vấn đề với ý thức phản biện thường trực.

- Nhận định “chữ bầu lên nhà thơ”;

+ Theo nhà thơ gốc Pháp, Gia – bét: không có chức nhà thơ suốt đời . Mỗi lần làm một bài thơ, nhà thơ phải ứng cử trong một cuộc bầu khắc nghiệt của cử tri chữ.

+ “Chữ” là ngôn ngữ nghệ thuật in đậm dấu ấn sáng tác của nhà thơ và chữ trong thơ là loại ngôn ngữ đặc thù khác với ngôn ngữ đời thường và ngôn ngữ ngôn ngữ văn xuôi, không còn là ngôn ngữ biểu đạt thông thường mà đã trở thành một đối tượng tự dựng mình thành cõi riêng, thách thức khám phá. Theo tác giả, nhà thơ là một nghề nghiệp không dễ làm, để tạo ra một bài thơ thì nhà thơ cần phải thông qua một cuộc bầu cử chữ. Chữ trong thơ cũng không giống chữ trong văn chương, không thể chỉ hiểu theo nghĩa từ điển mà phải hiểu theo “ý tại ngôn ngoại”.

3. Luận về sự thống nhất mà khác biệt giữa các con đường thơ và thước đo một nhà thơ chân chính.

- Theo tác giả, con đường thơ gồm nhiều con đường riêng rất khác nhau của từng người. Không có con đường chung cho toàn thể mọi người.

- “Con đường thơ chính là số phận của một nhà thơ”: cách nói thể hiện sự liên kết, mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà thơ và tác phẩm của họ.

- Nhà thơ phải dùi mài, lao động chữ, biến ngôn ngữ công

	cộng thành ngôn ngữ đặc sản độc nhất làm phong phú cho tiếng mẹ đẻ. => Trong quá trình sáng tạo chữ, nhà thơ sẽ có những phát bất chợt, những cảm hứng ngẫu nhiên hoặc phải làm việc chăm chỉ trên những trang giấy để tạo ra những câu thơ hay và ý nghĩa. Một nhà thơ có thành công tạo ra một bài thơ xuất sắc hay không là phải nhờ vào ngôn ngữ, ý nghĩa thơ. III. TỔNG KẾT 1. Nội dung Tiểu luận thể hiện rõ quan niệm của Lê Đạt về nghề thơ, giúp soi sáng phần nào hướng tìm tòi độc đáo trong thơ ông. 2. Nghệ thuật - Lời văn rõ ràng, rành mạch - Cách trình bày luận điểm rõ ràng - Lời văn súc tích, dễ hiểu
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào nội dung đã học HS thực hành viết kết nối đọc theo hướng dẫn của GV: <i>Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu suy nghĩ về một nhận định mà em cảm thấy tâm đắc nhất trong văn bản “Chữ bầu lên nhà thơ” của Lê Đạt.</i>	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Bài làm mẫu Tác giả Lê Quang Đạt đã đưa ra nhận định hay và thú vị là Chữ bầu lên nhà thơ, để làm nổi bật tầm quan trọng của chữ đối với các nhà thơ trong quá trình sáng tạo nghệ thuật. Chữ không chỉ hiểu đơn giản là vô âm thanh mà quan trọng đó chính là ngôn ngữ được sử dụng, tổ chức một cách nghệ thuật. Chữ bầu lên nhà thơ là khẳng định vai trò của ngôn ngữ đối với nhà thơ; ngôn ngữ là yếu tố không thể thiếu trong văn học; nó khẳng định tài năng, phong cách của người nghệ sĩ. Ngôn ngữ thơ là tinh hoa tối cao của ngôn ngữ, là kiến trúc ngôn từ đặc biệt; tạo lập và tôn vinh vị thế nhà thơ. Khi nhà thơ cần

	mẫn với chữ thì sẽ có sự lựa chọn phù hợp nhất để diễn đạt ý cần nói, để tiếng lòng của mình được vang lên, được hữu hình hóa thành câu chữ, âm thanh, nhịp điệu. Nhà thơ Đỗ Phủ hay còn được người đời gọi là “thi thánh” với bài thơ Thu hứng đã sử dụng những câu chữ mang tính ước lệ, lời thơ buồn với những âm vang và nhịp điệu đã đưa người đọc đến với thế giới cảm xúc tâm hồn của nhà thơ. Quá trình sáng tạo nghệ thuật đầy sự khó khăn, vất vả, nhà thơ phải thổi hồn vào tác phẩm thông qua ngôn ngữ thơ ca, phải dựa vào chữ để tạo ra những tác phẩm đặc sắc. Điều đó cũng cho ta thấy Chữ bầu lên nhà thơ là một nhận định đúng.
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng liên hệ kiến thức trong bài học với cuộc sống b. Nội dung thực hiện: HS mở cuộc hội thảo “Làm thế nào để lưu giữ những bài thơ để nó không bị phai nhòa theo năm tháng”	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy ngẫm và thực hiện hội thảo theo nhóm Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Gợi ý một số cách để giữ gìn giá trị của các tác phẩm văn học: - Thường xuyên tổ chức các hoạt động tìm hiểu về nhà thơ, tác phẩm thơ - Xây dựng thư viện thơ - Hưởng ứng ngày đọc sách do nhà trường, Đoàn, Đội tổ chức nhằm tuyên truyền giá trị văn hóa đọc.

Phụ lục 1. Phiếu học tập tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

PHIẾU HỌC TẬP

Điền từ còn thiếu vào ô trống để hoàn thành thông tin về tác giả Lê Đạt và văn bản "Chữ bầu lên nhà thơ"

1

Lê Đạt tên thật là , (10/09/1929 - 21/04/2008), là một nhà thơ Việt Nam

2

Ông quê ở Bắc Giang nhưng sinh ra tại

3

Văn bản được in lần đầu trên báo Văn nghệ, số 34, năm

4

Tiểu luận thể hiện rõ quan niệm của Lê Đạt về giúp soi sáng phần nào hướng tìm tòi độc đáo trong thơ ông.

Nêu cảm nhận của em về nhà thơ Lê Đạt

PHIẾU HỌC TẬP

TÌM HIỂU VĂN BẢN

NHÓM 1

-
-
-
-
-
-
-
-

NHÓM 2

-
-
-
-
-
-
-
-

PHIẾU HỌC TẬP

TÌM HIỂU VĂN BẢN

NHÓM 3

-
-
-
-
-
-
-
-

NHÓM 4

-
-
-
-
-
-
-
-

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 4. Rubric chấm bài viết kết nối đọc

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

TIẾT 32. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Lỗi về mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ Học sinh nhắc lại một số lí thuyết về đặc điểm của mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản.
- ❖ Học sinh nhận biết được những lỗi mạch lạc và liên kết trong văn bản, nêu được cách chỉnh sửa hay chủ động chỉnh sửa.
- ❖ Học sinh vận dụng để hoàn thành bài tập

2. Về năng lực

Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để giải bài tập và nhận biết được lỗi về mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản.

3. Về phẩm chất: Trân trọng và yêu sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ	
a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học	
b. Nội dung thực hiện:	
❖ Chơi trò chơi: Nói từ	
❖ GV chia lớp thành các đội chơi nói từ	
❖ Đội nào không có từ tiếp theo để nói là đội thua	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	Học sinh tham gia chơi trò chơi

GV tổ chức hoạt động Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Sự liên kết và mạch lạc của từ ngữ cũng giống như trong đoạn văn và văn bản. Nó đều có sự thống nhất và có ý nghĩa nhất định.									
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh nhắc lại một số lí thuyết về đặc điểm của mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản. ❖ Học sinh nhận biết được những lỗi mạch lạc và liên kết trong văn bản, nêu được cách chỉnh sửa hay chủ động chỉnh sửa. ❖ Học sinh vận dụng để hoàn thành bài tập b. Nội dung thực hiện: ❖ Học sinh thực hiện bảng K – W – L - T kiến thức về từ Hán Việt đã học ❖ Học sinh điền phần K và W ❖ Học sinh chia nhóm hoàn thành bài tập trong SGK ❖ Giáo viên chốt kiến thức ❖ Học sinh điền phần L – T và tự đánh giá sau bài học									
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên cho HS thực hiện bảng KWL T về liên kết và mạch lạc trong đoạn văn, văn bản K: Điều đã biết W: Điều muốn biết thêm L: Điều học được	● Phiếu K – W – L – T <table><tr><td>K</td><td>W</td><td>L</td><td>T</td></tr><tr><td>Điều con đã biết</td><td>Điều con muốn biết</td><td>Điều con học được</td><td>Điều con sẽ dạy lại các</td></tr></table>	K	W	L	T	Điều con đã biết	Điều con muốn biết	Điều con học được	Điều con sẽ dạy lại các
K	W	L	T						
Điều con đã biết	Điều con muốn biết	Điều con học được	Điều con sẽ dạy lại các						

T: Điều sẽ dạy các bạn				bạn
Giáo viên chia lớp thành các nhóm theo năng lực để giải các bài tập trong SGK				
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	• Lí thuyết			
Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu	1. Khái niệm về liên kết và mạch lạc trong đoạn văn			
Thời gian: 10 phút	Mạch lạc trong đoạn văn là các câu, các ý, các phần, các đoạn trong đoạn văn đều phải hướng về một sự thống nhất, một ý hay một chủ đề nào đó. Hay nói một cách đơn giản thì mạch lạc là sợi dây vô hình gắn kết các phần, các ý, các đoạn trong đoạn văn.			
Chia sẻ: 3 phút	2. Nhận biết lỗi về liên kết trong đoạn văn			
Phản biện và trao đổi: 2 phút	- Giữa các câu liên kề không có phương tiện kết nối hoặc có nhưng không phù hợp khiến đoạn văn trở nên rời rạc.			
Bước 3. Báo cáo, thảo luận	3. Khắc phục lỗi liên kết trong đoạn văn			
Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm	- Xác định phương tiện kết nối cần có giữa các câu liên kề nhau.			
Bước 4. Kết luận, nhận định	- Thay thế hoặc bỏ cụm từ đảm nhiệm chức năng kết nối đã bị dùng sai.			
Giáo viên chốt những kiến thức	- Nếu chưa có phương tiện kết nối hợp lý phải bổ sung. Có thể viết thêm câu phù hợp nhằm khắc phục sự đứt đoạn của mạch lập luận.			
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP				
a. Mục tiêu hoạt động: Vận dụng năng lực ngôn ngữ để phát hiện lỗi liên kết ở các bài tập Sgk				
b. Nội dung thực hiện				
HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập				
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	Hướng dẫn lời giải:			
Giáo viên giao nhiệm vụ	Câu 1			
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	Nhận xét khái quát về liên kết và mạch lạc trong văn bản:			

Học sinh thực hiện đọc và thực hành Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	- Về mạch lạc: các đoạn văn trong văn bản đều làm nổi bật luận đề chung của văn bản, và được sắp xếp theo một trình tự hợp lí, logic. - Về liên kết: các câu trong đoạn văn đều hướng về chủ đề chính của từng đoạn và được liên kết với nhau bằng các phép lặp, phép thế, phép nối, ... Câu 2 Đoạn 1: a) Lý do đoạn (1) được coi là đoạn văn: - Về hình thức: + Đoạn văn trên được tạo thành bằng 4 câu văn được liên kết với nhau bằng phép liên kết hình thức: phép lặp. + Đoạn văn trên được viết giữa hai dấu chấm xuống dòng, chữ cái đầu đoạn được viết lùi vào một chữ và viết hoa. - Về nội dung: đoạn văn có nội dung viết về lòng đồng cảm của con người, thuộc văn bản Yêu và đồng cảm. b) Các câu trong đoạn văn có sự mạch lạc với nhau, cùng nói về tấm lòng đồng cảm của con người, trong câu đều nhắc đến các từ “tấm lòng” hay “lòng đồng cảm”. c) Dấu hiệu nhận thấy sự mạch lạc giữa các đoạn: - Đoạn văn trên và các đoạn văn khác đều hướng đến làm nổi bật chủ đề của văn bản Yêu và đồng cảm. - Đoạn văn trên là một lí lẽ nằm trong đoạn (5) của văn bản, kết lại vấn đề về tấm lòng đồng cảm của trẻ em và con người. d) Những từ ngữ được lặp lại nhiều lần: con người/người, tấm lòng, lòng đồng cảm, chỉ có/chỉ vì. Tác dụng của việc lặp lại các từ ngữ trên là để tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các câu văn, đoạn văn có sự mạch lạc, logic về mặt hình thức.
--	---

	Đoạn 2: a) Lý do đoạn văn vẫn rời rạc: phép liên kết được sử dụng chưa đúng cách, chưa phù hợp, các câu văn chưa có sự liên kết khiến đoạn văn bị rời rạc. b) Lỗi liên kết: Đoạn văn sử dụng phép liên kết hình thức (phép lặp) chưa phù hợp, chưa liên kết được các câu trong đoạn. Đoạn 3: a) Dấu hiệu nổi bật: câu văn thứ hai trong đoạn được triển khai không đúng với chủ đề chung của đoạn văn. b) Dấu hiệu của lỗi liên kết: - Phép nối được sử dụng để liên kết giữa câu một và câu hai chưa phù hợp. - Giữa câu hai và câu ba chưa có phép liên kết hình thức. c) Cách sửa: - Thay thế phép nối “Mặc dù ... nên...” giữa câu một với câu hai thành “Vì ... nên...”, trở thành câu: “Vì không tìm thấy được ích lợi của đọc sách trong việc bồi dưỡng tâm hồn, phát huy trí tưởng tượng và rèn luyện cách suy nghĩ nên hầu như mọi người đã vứt bỏ thói quen đọc sách.” - Có thể sửa câu thứ ba thành “Tuy chiếc điện thoại thông minh rất tiện lợi trong việc đáp ứng nhiều nhu cầu của con người trong cuộc sống hiện đại, nhưng nó lại khó giúp ta tìm được sự yên tĩnh, lắng sâu trong tâm hồn.”
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh thực hiện viết 1 đoạn văn ngắn sử dụng kiến thức về liên kết và mạch lạc trong đoạn văn, văn bản b. Nội dung thực hiện: HS viết một đoạn văn ngắn khoảng 150 chữ với chủ đề: “Ai không có sức	

mạnh mẽ tha thứ cũng không có sức mạnh để yêu thương.”

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên giao nhiệm vụ

Học sinh thảo luận và thực hiện

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hiện viết bài và nộp lại
cho GV

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của
mình

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các
chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

Học sinh viết bài

Phụ lục 1. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động

Điểm			
TỔNG			

TIẾT 33. VIẾT

VIẾT BÀI LUẬN THUYẾT PHỤC NGƯỜI KHÁC TỪ BỎ MỘT THÓI QUEN HAY MỘT QUAN NIỆM

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ Học sinh có thể viết nhanh một đoạn nêu hoặc trình bày quan điểm của bản thân
- ❖ Học sinh nêu được thói quen hay quan niệm cần từ bỏ
- ❖ Học sinh phân tích được tác động tiêu cực của thói quen hay quan niệm đó với cá nhân và cộng đồng.
- ❖ Học sinh nêu được những giải pháp mà người được thuyết phục có thể thực hiện để từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.
- ❖ Học sinh hiểu được những đặc điểm và yêu cầu của một bài luận thuyết phục
- ❖ Học sinh biết thực hành viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

2. Về năng lực: Vận dụng năng lực ngôn ngữ và cảm thụ văn học để tạo lập một bài luận

3. Về phẩm chất: Tự rút ra được bài học trong cuộc sống và sự tôn trọng, lịch sự trong giao tiếp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ	
a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học	
b. Nội dung thực hiện:	
❖ GV phát vấn: Con thường có thói quen nào chưa tốt mà con nghĩ cần phải thay đổi?	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	Gợi ý đáp án

GV đặt câu hỏi Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	- Dậy trẻ - Lười vận động, tập thể thao hằng ngày - Thường bỏ bữa, không ăn đủ bữa
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh có thể viết nhanh một đoạn nêu hoặc trình bày quan điểm của bản thân ❖ Học sinh nêu được thói quen hay quan niệm cần từ bỏ ❖ Học sinh phân tích được tác động tiêu cực của thói quen hay quan niệm đó với cá nhân và cộng đồng. ❖ Học sinh nêu được những giải pháp mà người được thuyết phục có thể thực hiện để từ bỏ một thói quen hay một quan niệm. ❖ Học sinh hiểu được những đặc điểm và yêu cầu của một bài luận thuyết phục ❖ Học sinh biết thực hành viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm. b. Nội dung thực hiện: ❖ Học sinh đọc thật kĩ các thao tác chuẩn bị viết – tìm ý, lập dàn ý – trong khi viết – chỉnh sửa bài viết ❖ Học sinh thực hành lập dàn ý và viết bài	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập ● Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kĩ văn bản mẫu trong SGK và trả lời câu hỏi ● GV yêu cầu HS đọc thật kĩ các bước, thao tác được diễn giải trong SGK ● HS thực hành viết	● Hướng dẫn trả lời câu hỏi trong bài tham khảo 1. Từ những gì do bài viết tham khảo gợi lên, theo bạn, muốn thực sự thuyết phục được người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm, người viết phải đặc biệt lưu ý những điểm gì? - Cần đưa ra những luận điểm, luận cứ xác đáng, mạch lạc và có sự logic. - Đưa ra các lí lẽ, bằng chứng chính xác và phải có sức thuyết

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành viết Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	phục với người khác. - Giọng điệu, câu văn cần rõ ràng, ngắn gọn mà dễ hiểu, tạo sự hứng thú với người đọc, người nghe. 2. Vị thế của người thuyết trình có cần được thể hiện không? Nếu có nên thể hiện như thế nào? - Vị thế của người thuyết trình có cần được thể hiện trong bài viết để nâng cao sức thuyết phục với người khác. - Vị thế của người thuyết trình: + Là người từng bị nhiễm những thói quen xấu, thể hiện quan điểm của chính bản thân, có thể tăng thêm sức tin tưởng với người khác. + Là người ngoài cuộc, từng chứng kiến, tiếp xúc với những người có thói quen không tốt, nêu quan điểm và đưa ra những bằng chứng xác đáng, tạo sự hứng thú, sức thuyết phục với người khác. 3. Khi triển khai nội dung thuyết phục, việc suy đoán về những lý lẽ phản bác của người được thuyết phục có ý nghĩa gì? - Ý nghĩa của việc suy đoán những lý lẽ phản bác của người được thuyết trình: + Dự kiến được những lý lẽ phản bác được đưa ra, kiểm soát quá trình thuyết phục một cách tốt nhất. + Người thuyết trình có thể kịp thời đưa ra những dẫn chứng làm rõ hơn về luận điểm của mình, phản bác lại lý lẽ của người được thuyết phục. + Tránh sự mất bình tĩnh, bối rối khi bị người được thuyết phục phản bác.
--	---

	Chia sẻ phần các thao tác và kĩ năng khi viết bài Thực hiện các bước B1. Chuẩn bị viết B2. Tìm ý, lập dàn ý B3. Viết bài B4. Chỉnh sửa, hoàn thiện ● Học sinh tiến hành lập dàn ý (Tham khảo phụ lục)
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ để hoàn thành bài luận b. Nội dung thực hiện HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài viết theo rubic chấm	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành viết Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Bài viết tham khảo (Gợi ý ở phần phụ lục)
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh bàn luận về vấn đề “Làm thế nào để thay đổi một thói quen xấu?” b. Nội dung thực hiện: HS hoàn thành bài phân tích, đánh giá, chọn một vấn đề mang tính toàn cầu, xã hội để bàn luận cùng bạn bè trong lớp	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện thảo luận, tranh	GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS

biện Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	
--	--

***Phụ lục 1. Bài viết tham khảo* BÀI LÀM**

Lần gần nhất mà bạn phải ngồi chờ đợi một ai đó là bao lâu rồi? Có lẽ thói quen đi trễ đã không còn xa lạ gì với mọi người nữa, nó gần như trở thành thói quen của rất nhiều người trong xã hội, đủ mọi tầng lớp, lứa tuổi,...và đặc biệt là ở lứa tuổi học sinh có thói quen đi học muộn với đủ mọi lí do hết sức vô lí được đưa ra.

Quản lý thời gian là một giải pháp cần thiết để khắc phục được tình trạng trễ giờ, quên thời gian,... và cần phải bố trí đủ thời gian vào buổi sáng để sẵn sàng đi học, trì hoãn các công việc không cần thiết cũng như dự đoán được các vấn đề về giao thông. Rất nhiều người không có ý thức sắp xếp, phân bổ thời gian một cách hợp lý, làm việc gì cũng chậm chạp và họ coi việc đi học muộn trở thành một việc hết sức bình thường. Việc đi đúng giờ không chỉ thể hiện bạn là một người văn minh, hiện đại mà còn là một người biết tôn trọng người khác. Chẳng hạn việc bạn thường xuyên đi trễ sẽ làm mất đi uy tín của bạn, lời hứa không còn có trọng lượng và bị đánh giá là người không đáng tin cậy. Nếu bạn nghĩ rằng đi học muộn là việc của bạn và hậu quả ra sao mình bạn chịu thì nhầm rồi nhé. Khi bạn đến lớp muộn, nó không chỉ làm gián đoạn dòng chảy của một bài giảng hoặc thảo luận, mà còn ảnh hưởng đến sự tập trung của học sinh khác, cản trở việc học của tập thể và thường ăn mòn tinh thần lớp học. Thầy cô cũng vì thế mà cảm thấy bức mình và không muốn dạy một lớp học mà có nhiều bạn vô ý thức, vô kỉ luật như vậy.

Việc mọi người đi trễ có thể do một sự cố ngẫu nhiên như: ngủ quên, tắc đường, nhỡ xe, thời tiết,... nhưng cũng có thể đó đã trở thành một thói quen ngấm vào máu. Có rất nhiều nguyên nhân khiến các bạn đến lớp muộn, có thể là nguyên nhân chủ quan với lí do làm bài tập ngủ muộn, sáng dậy muộn, ... hay nguyên nhân khách quan như việc tắc đường, xe hỏng, Nhưng dù có là lí do gì đi nữa thì việc đi trễ vẫn là một thói quen không tốt để lại rất nhiều hậu quả đáng tiếc và chúng ta cần từ bỏ nó ngay từ bây giờ. Tác hại của việc đi trễ là vô cùng lớn. Nếu mỗi người trong xã hội đều không coi trọng việc đúng giờ

thì xã hội sẽ không thể nào tiến bộ được. Để tránh tình trạng đi học muộn, các bạn hãy tự chọn cho mình một biện pháp khắc phục phù hợp với bản thân mình, giảm thiểu tối đa thời gian bị mất bởi những lí do không cần thiết.

Đi trễ không chỉ đơn thuần là một thói quen xấu mà còn là căn bệnh bám rễ vào tư tưởng mỗi người và có thể gây nên những hậu quả khó lường nếu không được khắc phục ngay từ bây giờ. Để khắc phục thói quen đi trễ của bản thân đầu tiên bạn phải là một người biết coi trọng thời gian và đơn giản là có ý thức tôn trọng người khác và tôn trọng chính bản thân mình. Thứ nhất, bạn phải biết cách lập kế hoạch phân bổ thời gian trong ngày một cách hợp lí. Nếu bạn là người chậm chạp, lè mề trong việc chuẩn bị trước khi ra khỏi nhà thì hãy nhớ cài đồng hồ hẹn trước một chút thời gian để không bị lỡ hẹn và đi học đúng giờ. Thứ hai, nếu bạn là người dễ dàng trí hay quên thì hãy tự lập cho mình một thời gian biểu khoa học và nhớ thường xuyên theo dõi nó để chắc chắn rằng mình không bỏ quên hay đi trễ một cuộc hẹn hay một buổi học nào cả. Và bạn cũng nên dự trù thời gian để có thể hoàn thành công việc và những việc có khả năng phát sinh thêm, tránh để quỹ thời gian của bạn bị quá tải, trôi đi một cách lãng phí.

Cha ông ta có câu: “Giang sơn dễ đổi, bản tính khó dời” dù biết rằng việc thay đổi thói quen từ thường xuyên đi trễ thành một người luôn đúng giờ là một việc làm rất khó nhưng không phải là không làm được. Vì vậy bạn và tôi, chúng ta đừng để đi muộn trở thành thói quen không thể sửa mà hãy cùng nhau trở thành người có thói quen làm việc khoa học và hiệu quả hơn. Hãy biết quý trọng thời gian!

Phụ lục 2. Rubric đánh giá

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu bài Sai phương thức thuyết minh	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu bài văn nghị luận Chuẩn phương thức biểu đạt Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu bài văn nghị luận Chuẩn phương thức biểu đạt Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

TIẾT 34,35. NÓI VÀ NGHE

THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ Học sinh xác định được vấn đề cần thảo luận.
- ❖ Học sinh nêu được diễn biến của cuộc thảo luận (những ý kiến đã nêu, những điều đã được làm rõ, những điều cần trao đổi thêm)
- ❖ Học sinh nêu được quan điểm, nhận định của bản thân về vấn đề (góc nhìn riêng và những phân tích, đánh giá cụ thể)
- ❖ Học sinh biết trình bày ý kiến trong điều kiện tương tác đặc thù nhằm tìm đến sự thống nhất quan điểm với người cùng tham gia thảo luận về một vấn đề đời sống đã xác định

2. Về năng lực: Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để thực hành nói và nghe

3. Về phẩm chất: Tôn trọng người đối thoại để tìm được tiếng nói chung trong cuộc thảo luận

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ GV phát vấn: Theo con, cần chuẩn bị gì để có một bài nói – chia sẻ tốt?	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi	Gợi ý đáp án Tìm hiểu kĩ tác phẩm
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	Vận dụng năng lực ngôn ngữ

Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	Tự tin Rèn luyện giọng nói
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh xác định được vấn đề cần thảo luận. ❖ Học sinh nêu được diễn biến của cuộc thảo luận (những ý kiến đã nêu, những điều đã được làm rõ, những điều cần trao đổi thêm) ❖ Học sinh nêu được quan điểm, nhận định của bản thân về vấn đề (góc nhìn riêng và những phân tích, đánh giá cụ thể) ❖ Học sinh biết trình bày ý kiến trong điều kiện tương tác đặc thù nhằm tìm đến sự thống nhất quan điểm với người cùng tham gia thảo luận về một vấn đề đời sống đã xác định b. Nội dung thực hiện: ❖ Học sinh đọc thật kĩ các thao tác chuẩn bị nói và nghe ❖ Học sinh hoàn thiện phiếu học tập về kĩ năng nói nghe ❖ Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập • Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kĩ phần nội dung chuẩn bị • HS đọc và ghi chép lại các thông tin và suy nghĩ của bản thân • HS thực hành lập dàn ý và nói Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành nói theo chủ đề Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo	• Học sinh hoàn thiện phiếu bài tập chuẩn bị nghe - nói 1. Lựa chọn đề tài - Đề tài nói cần được thống nhất trong lớp trước khi tiết học diễn ra hoặc ngay đầu tiết học. - Nên chọn những đề tài gắn với đời sống của các bạn, đồng thời có ý nghĩa chung đối với cộng đồng. Ví dụ: xây dựng văn hóa đọc, tôn trọng sự khác biệt, tham gia hoạt động thiện nguyện... 2. Tìm ý và sắp xếp ý - Đặt tên bài nói

phần bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	- Xác định và sắp xếp các ý 3. Xác định từ ngữ then chốt Sử dụng các cụm từ phù hợp 4. Chuẩn bị nghe - Tìm hiểu trước về bài nói - Ghi lại thông tin trong quá trình nghe ● Chia sẻ phần các thao tác và kĩ năng khi nói và nghe ● Học sinh tiến hành thực hành nghe nói đảm bảo các yêu cầu <table border="1" data-bbox="695 684 1555 1100"> <thead> <tr> <th data-bbox="695 684 1105 743">Người nói</th><th data-bbox="1105 684 1555 743">Người nghe</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="695 743 1105 1100"> - Nêu đề tài bài nói, trình bày lí do lựa chọn bài nói - Trình bày các ý theo đề cương - Tóm tắt bài nói và mở rộng nâng cao </td><td data-bbox="1105 743 1555 1100"> - Chú ý lắng nghe bài nói - Nghe trên tinh thần xây dựng - Đặt câu hỏi - Trao đổi với người nói một số quan điểm của mình </td></tr> </tbody> </table>	Người nói	Người nghe	- Nêu đề tài bài nói, trình bày lí do lựa chọn bài nói - Trình bày các ý theo đề cương - Tóm tắt bài nói và mở rộng nâng cao	- Chú ý lắng nghe bài nói - Nghe trên tinh thần xây dựng - Đặt câu hỏi - Trao đổi với người nói một số quan điểm của mình
Người nói	Người nghe				
- Nêu đề tài bài nói, trình bày lí do lựa chọn bài nói - Trình bày các ý theo đề cương - Tóm tắt bài nói và mở rộng nâng cao	- Chú ý lắng nghe bài nói - Nghe trên tinh thần xây dựng - Đặt câu hỏi - Trao đổi với người nói một số quan điểm của mình				
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ thực hành bài nói và nghe b. Nội dung thực hiện HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài nói và nghe theo rubic chấm					
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành nói – nghe Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Dàn ý tham khảo (Gợi ý ở phần phụ lục)				

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh bàn luận về một vấn đề được đưa ra trong bài nói

b. Nội dung thực hiện: HS hoàn thành bài phân tích, đánh giá, chọn một vấn đề mang tính toàn cầu, xã hội để bàn luận cùng bạn bè trong lớp

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên giao nhiệm vụ

Học sinh thảo luận và thực hiện

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS

Phụ lục 1. Phiếu thực hành nghe – nói

Chuẩn bị nói			Chuẩn bị nghe
Lựa chọn đề tài	Tìm ý và sắp xếp ý	Xác định từ ngữ then chốt	

Phụ lục: Bài Văn hóa đọc và đời sống lớp học.

Maxim Gorki từng viết: “Sách mở ra trước mắt tôi những chân trời mới”. Thật vậy, đọc sách là một việc làm không hề phức tạp mà lại có ý nghĩa vô cùng to lớn. Ai cũng biết sách chứa rất nhiều kiến thức trong cuộc sống, giúp chúng ta tư duy, nhận thức sâu sắc hơn, trưởng thành hơn và tích lũy được vốn từ ngữ phong phú. Thế nhưng trong môi trường lớp học ngay nay, văn hóa đọc sách không còn phổ biến mà thay vì đọc sách thì học sinh thường dành thời gian để lên mạng, chơi game,... Vậy chúng ta cần xây dựng văn hóa đọc trong lớp học như nào cho hợp lí?

Chúng ta đều biết, trước khi có các phương tiện nghe nhìn, sách là con đường lớn nhất để con người tiếp cận thông tin, văn hóa, tri thức. Đọc sách là một trong những cách thức giúp con người thư giãn, tích lũy kiến thức, tăng cường khả năng tư duy. Trong đời sống tinh thần của mỗi chúng ta, sách đóng vai trò rất quan trọng. Sách được coi là chiếc chìa khóa vạn năng mở cửa lâu đài trí tuệ và tâm hồn con người; là người thầy thấp sáng trong ta nguồn tri thức vô biên, dạy chúng ta biết sống và biết hy sinh. Văn hóa đọc là một hoạt động văn hóa của con người thông qua việc đọc, sách, báo, tài liệu để tiếp cận được với thông tin và nguồn tri thức một cách khoa học. Văn hóa đọc góp phần to lớn vào việc bồi dưỡng, trau dồi kiến thức, kỹ năng trong đời sống, giúp hình thành và hoàn thiện nhân cách của con người.

Độc sách có thể ươm mầm trong chúng ta những ý nghĩa cao thượng, những ý tưởng để làm việc trong nhiều lĩnh vực và hiểu biết sâu rộng, làm phong phú hơn trí tưởng tượng của bản thân. Rèn luyện thói quen đọc sách không chỉ mang lại cho ta những lợi ích vô cùng to lớn; mà nó còn là một thói quen tốt giúp cho bộ não của chúng ta được khỏe mạnh và linh hoạt hơn. Đọc sách cũng đem lại sự thư giãn, là nguồn gốc tuyệt vời của sự hưởng thụ, mọi nguồn cảm hứng, chỉ cho chúng ta mọi con đường đi với những kiến thức tuyệt vời, nó cũng giúp ta trở thành một người thành công trong cuộc sống này. Văn hóa đọc sách đang đứng trước một cơ hội và một nguy cơ. Cơ hội bởi mỗi người chúng ta đều được tiếp cận với một khối lượng tri thức khổng lồ. Nhưng nó lại tiềm ẩn một nguy cơ làm mai một thói quen đọc vốn có bởi sự lấn át của các phương tiện nghe nhìn quá nhiều, quá hấp dẫn.

Thế nhưng hiện nay, văn hóa đọc sách đang phải đứng trước nguy cơ bị lãng quên; mọi người trở nên thờ ơ, lãnh cảm với đọc sách, nhất là giới trẻ. Có những bạn trẻ cho rằng đọc sách giấy là lạc hậu và đó là một sai lầm khi đa số các bạn trẻ cho rằng bây giờ là thời đại công nghệ thông tin thì phải lên mạng đọc vừa nhanh, vừa dễ, vừa đỡ tốn kém. Mỗi chúng ta đều có thể tiếp cận một khối lượng tri thức khổng lồ chỉ cần thông qua một thiết bị nghe nhìn đơn giản như chiếc điện thoại smartphone, nhưng lại tiềm ẩn nguy cơ làm mai một thói quen đọc sách truyền thống vốn có chính bởi sự lấn át của quá nhiều phương tiện truyền thông nghe nhìn hấp dẫn. Cũng bởi ít đọc, ít cập nhật thông tin qua sách báo, nên vốn văn chương của lớp trẻ bây giờ được đánh giá là hơi “cạn”. Những năm gần đây, sau mỗi đợt chấm thi tốt nghiệp trung học phổ thông và đại học lại rộ lên nhiều câu chuyện về những bài thi với câu văn ngô nghê, những cột mốc lịch sử bị sai lệch... đang gióng lên hồi chuông cảnh báo về văn hóa đọc của giới trẻ hiện nay. Vậy sẽ có tương lai văn hóa đọc sách có còn tồn tại hay không?

Bạn thấy đấy, sách là kho tri thức không chối từ ai, chỉ cần ta hiểu được giá trị của kho tri thức ấy để rồi tự xây dựng cho mình thói quen đọc sách hàng ngày. Có thể nói, sách chính là người bạn tâm giao chia sẻ mọi nỗi vui, buồn sâu kín của mỗi con người. Đọc sách từ lâu đã trở thành một nhu cầu cần thiết của xã hội loài người trên thế giới. Sách là nguồn tri thức quý giá mà nhân loại đã trao tặng cho bạn. Nếu như bạn là người không có thói quen đọc sách hằng ngày thì có lẽ bạn đã bỏ qua nhiều lợi ích của việc đọc sách. Nhờ đọc sách, tôi tin chắc chắn chúng ta sẽ ngày một ưu tú hơn. Tùy theo nhu cầu công việc của mỗi người, chúng ta hãy lựa chọn cách đọc và khai thác thông tin phù hợp, không vì quá lệ thuộc công nghệ thông tin mà xa rời văn hóa đọc truyền thống.

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Chưa tự tin	2 điểm Trình bày tương đối đầy đủ, hấp dẫn Tự tin thể hiện	3 điểm Trình bày tương đối đầy đủ, hấp dẫn Tự tin thể hiện Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung đầy đủ kết cấu cơ bản của văn bản truyền thuyết Nhiều nội dung kể chưa mạch lạc, liên kết Không rút ra ý nghĩa	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có sự mạch lạc Thể hiện rõ giọng điệu và âm hưởng hào hùng của truyền thuyết Rút ra được ít nhất 2 ý nghĩa truyền thuyết	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có sự mạch lạc Thể hiện rõ giọng điệu và âm hưởng hào hùng của truyền thuyết Rút ra được nhiều hơn 2 ý nghĩa truyền thuyết Có liên hệ cuộc sống.
Điểm			
TỔNG			

TIẾT 8. CÙNG CỎ MỞ RỘNG

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ **Học sinh ôn tập** lại ba văn bản đọc về nội dung và nghệ thuật
- ❖ **Học sinh ôn tập** lại các yếu tố trong văn bản nghị luận
- ❖ **Học sinh ôn tập** lại liên kết và mạch lạc trong đoạn văn và văn bản.

2. Về năng lực

Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ và cảm thụ văn học để ôn tập và luyện viết

3. Về phẩm chất: Biết quý trọng nhân tài, biết đồng cảm chia sẻ với người khác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ GV chia sẻ video: Các lăng bia ở Văn Miếu Quốc Tử Giám – Hà Nội. ❖ HS theo dõi và ghi lại những hiểu biết của mình về những lăng bia tiền sĩ ở Văn Miếu	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi và chia sẻ video Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	Học sinh chia sẻ hiểu biết của mình sau khi xem video...
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI	

a. Mục tiêu hoạt động:

- ❖ **Học sinh ôn tập** lại ba văn bản đọc về nội dung và nghệ thuật
- ❖ **Học sinh ôn tập** lại các yếu tố trong văn bản nghị luận
- ❖ **Học sinh ôn tập** lại liên kết và mạch lạc trong đoạn văn và văn bản.

b. Nội dung thực hiện:

- ❖ Học sinh chia nhóm thực hiện bài tập trong SGK để ôn tập

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

- Giáo viên chia nhóm HS thảo luận để thực hiện bài tập ôn tập số 1 – 2 – 3 – 4 – 5 trong SGK

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hành làm bài

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức

Câu 1. Ba văn bản đọc trong bài (Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, Yêu và đồng cảm, Chữ bầu lên nhà thơ) đã giúp bạn hiểu được gì về đặc điểm nội dung và hình thức của văn nghị luận?

- Đặc điểm nội dung: bàn luận về một vấn đề xã hội hoặc một tư tưởng đạo đức.

- Đặc điểm hình thức:

+ Bài văn gồm nhiều đoạn văn, có các luận điểm, luận cứ rõ ràng, những lí lẽ bằng chứng xác đáng, có sức thuyết phục.

+ Các đoạn văn trong bài có sự mạch lạc, logic; các câu văn được liên kết bởi các phép nối, phép lặp, phép thế, ...

+ Ngôn ngữ, giọng điệu phù hợp với nội dung bàn luận, tạo sự hứng thú hấp dẫn người đọc.

Câu 2. Theo bạn, trong văn nghị luận, yếu tố tự sự có thể sử dụng ở những trường hợp nào và với mức độ ra sao?

- Các trường hợp có thể sử dụng yếu tố tự sự trong văn nghị luận

+ Sử dụng yếu tố tự sự trong quá trình lập luận để các luận điểm được trình bày rõ ràng hơn.

+ Sử dụng khi nêu ra các lí lẽ, bằng chứng để tăng sức thuyết phục.

- Yếu tố tự sự cần được sử dụng trong văn nghị luận với mức độ vừa phải, không nên dùng quá nhiều để nhầm sang văn tự sự.

Câu 3. Hãy lập bảng hoặc sơ đồ tư duy để so sánh các văn bản trong bài theo một số điểm gợi ý sau: luận đề; cách triển khai luận điểm; cách nêu lí lẽ và bằng chứng; lí do chọn cách triển khai luận điểm và nêu lí lẽ, bằng chứng; ...

	Hiền tài là nguyên khí của quốc gia	Yêu và đồng cảm	Chữ bầu lên nhà thơ
Luận đề	Bàn luận về tầm quan trọng của hiền tài đối với đất nước.	Nói về sự cần thiết của yêu và đồng cảm trong cuộc sống.	Bàn luận vai trò quan trọng của chữ đối với nhà thơ.
Cách triển khai luận điểm	Luận điểm được triển khai từ ý lớn đến ý	Luận điểm được triển khai từ ý nhỏ đến ý	Luận điểm có sự liên kết, mạch lạc và có tính chất

		nhỏ, từ khái quát đến cụ thể; được trình bày một cách rõ ràng, mạch lạc, logic, dễ hiểu.	lớn, trình bày có sự mạch lạc, logic đã làm nổi bật được luận đề.	nâng cao, mở rộng; theo trình tự nêu vấn đề, giải quyết vấn đề và kết luận.
	Cách nêu lí lẽ và bằng chứng	Các lí lẽ bằng chứng được trình bày cụ thể, hợp lý nhưng chưa có sự liên hệ với thực tiễn, chưa thật sự thuyết phục người đọc.	Lí lẽ, bằng chứng xác đáng, hợp lý, có sự liên hệ nhưng chưa cụ thể và rõ ràng, thiếu sức thuyết phục.	Lí lẽ bằng chứng rõ ràng, hợp lý, có ví dụ liên hệ cụ thể với thực tiễn, tạo được sức thuyết phục.
	Lí do chọn cách	Đưa ra nội dung khái quát	Đưa ra những phân	Đặt vấn đề và phân

triển khai luận điểm và nêu lí lẽ, bằng chúng	để tạo sự tò mò khiến bạn đọc muốn đi sâu vào tìm hiểu chi tiết vấn đề được bàn luận.	tích, chúng minh gây sự hấp dẫn với người đọc, muốn tìm hiểu rõ hơn về vấn đề bàn luận.	tích, tổng hợp giúp người đọc hiểu rõ hơn vấn đề, nâng cao khả năng hiểu biết về vấn đề bàn luận.
--	---	--	---

4. Thảo luận nhóm về cách nhận diện đặc điểm riêng của văn bản nghị luận xã hội.

Trả lời:

Cách nhận diện đặc điểm riêng của văn bản nghị luận xã hội:

- Luận đề, nội dung chính là bàn luận về các hiện tượng cụ thể trong đời sống, ví dụ: Bệnh vô cảm trong xã hội; Lạm dụng mạng xã hội; Lòng tốt và sự tử tế;...
- Các luận điểm, luận cứ hướng tới việc phân tích các mặt đúng – sai, chỉ ra nguyên nhân và bày tỏ thái độ, ý kiến của người viết về hiện tượng xã hội đó.
- Dẫn chứng được lấy từ ví dụ thực tế, có tính thuyết phục cao.

5. Tìm đọc thêm một số văn bản nghị luận đề cập những vấn đề có liên quan tới nội dung các văn bản đã học trong bài. Chú ý

	xác định quan hệ kết nối giữa các văn bản và tập hợp chúng vào các nhóm có đặc điểm nội dung hoặc hình thức gần gũi (ví dụ: nhóm văn bản bàn về việc trọng dụng nhân tài, nhóm văn bản bàn về những vấn đề cơ bản của sáng tạo nghệ thuật, ...) Trả lời: Gợi ý một số văn bản nghị luận: - Nhóm văn bản bàn về những vấn đề cơ bản của sáng tạo nghệ thuật: Thơ còn tồn tại được không (Diễn từ Nobel 1975 của E. Montale), Một thời đại trong thi ca (Hoài Thanh, Hoài Chân), ... - Nhóm văn bản bàn về việc trọng dụng nhân tài: Cầu hiền chiếu (Ngô Thì Nhậm),...
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh viết đoạn văn khoảng 150 chữ với chủ đề: đồng cảm và cảm thông trong xã hội ngày nay b. Nội dung thực hiện HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài viết theo rubric chấm bài viết	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành viết Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định	Bài làm tham khảo Tham khảo phụ lục 1. Bài viết mẫu

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh tìm đọc thêm một số bài văn bia khác b. Nội dung thực hiện: HS thực hành tìm đọc một số bài văn bia khác	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Tham khảo các bài văn bia ở phụ lục.

Phụ lục 1. Bài làm tham khảo

Đoạn văn mẫu 1

Đối với mỗi cuộc đời con người, sự sẻ chia trong cuộc sống là điều vô cùng cần thiết. Vậy sẻ chia là gì? Tại sao nó lại quan trọng đến vậy? Sẻ chia là một dạng tình cảm xuất phát từ trái tim, sự đồng cảm, và tình yêu thương, được thể hiện khi ta biết quan tâm, lo lắng và giúp đỡ những người xung quanh. Nói cách khác, sẻ chia chính là cho đi mà không mong muốn được nhận lại. Bạn biết đấy, cuộc sống là sự tổng hòa của các mối quan hệ xã hội. Biết sẻ chia chắc chắn sẽ giúp bạn phát triển các mối quan hệ xã hội, tạo nên sự gắn kết với những người xung quanh, từ đó không bao giờ cảm thấy cô đơn, lạnh lẽo. Đồng thời khi ai đó gặp khó khăn, giúp được họ - dù chỉ một chút thôi – chắc chắn bạn sẽ cảm thấy hạnh phúc và thanh thản hơn rất nhiều. Trong thực tế, không khó để ta bắt gặp và cảm phục những con người mang trong mình đức tính này. Những tình nguyện viên mang trên mình màu áo xanh tình nguyện, các

mạnh thường quân không quản ngại khó khăn đến với vùng bão lũ hay đơn giản hơn là một cậu bé biết dành tiền ăn sáng tặng cho người hành khất..., đó đều là những bông hoa đẹp điểm tô cho vườn đời thêm rực rỡ. Tuy nhiên, vẫn có một số người sống ích kỉ, chỉ biết nhận lại chứ không biết cho đi. Họ chỉ biết đến lợi ích của bản thân mình mà không quan tâm đến người khác muốn gì, nghĩ gì, cần giúp đỡ gì. Đứng trước hiện tượng này, tất cả chúng ta cần học cách đồng cảm, sẻ chia với những người xung quanh từ những việc làm nhỏ nhất: gửi lời chào tới bố mẹ trước khi đi học, chúc người bạn cùng bàn một ngày tốt lành khi tới lớp... Như vậy, chắc chắn cuộc sống ý nghĩa hơn rất nhiều. Bởi đúng như một nhà văn Nga từng nói: “Nơi lạnh nhất không phải là Bắc Cực mà là nơi thiếu vắng tình thương của con người”.

Đoạn văn mẫu 2

Trong bất kì thời điểm nào, đồng cảm và sẻ chia luôn là hai điều cần thiết giúp con người vượt qua những khó khăn thử thách của cuộc sống khắc nghiệt. Đồng cảm là biết rung động trước những vui buồn của người khác, đặt mình vào hoàn cảnh để hiểu và cảm thông với họ. Còn sẻ chia là cùng người khác san sẻ vui buồn, những khó khăn gian khổ, giúp đỡ nhau trong hoạn nạn. Có nhiều cách để ta thể hiện sự đồng cảm, như bằng vật chất qua quyên góp, ủng hộ những người nghèo khổ, hay bằng tinh thần như mở lòng để thấu hiểu, động viên với những người gặp khó khăn. Trong mùa dịch covid này, ta đã được chứng kiến rất nhiều những tấm lòng cao cả của sự sẻ chia, như câu chuyện về cây ATM gạo cung cấp gạo miễn phí cho người nghèo, hay những cá nhân, tổ chức đã quyên góp tiền của, thiết bị y tế.. cho tuyến đầu chống dịch. Và tất cả sự đồng cảm sẻ chia đó đều mang ý nghĩa vô cùng to lớn. Nó tiếp thêm sức mạnh giúp con người vượt qua khó khăn, có thêm niềm tin vào cuộc sống, thể hiện tình người và lòng nhân ái cao cả, qua đó phát huy truyền thống lá lành đùm lá rách bao đời nay của ông cha ta. Nhờ vậy sẽ xây dựng được một xã hội ngày càng văn minh tốt đẹp, tràn đầy tình yêu thương, tiếp thêm niềm tin để những mảnh đời yếu thế không bị bỏ lại phía sau. Tuy nhiên trong xã hội hiện nay vẫn còn một bộ phận người mắc bệnh vô cảm, có lối sống ích kỉ, thiếu trách nhiệm với cộng đồng, cần phải được lên án, phê phán mạnh mẽ. Là một học sinh, ta cần nhận thức rõ vai trò của đồng cảm và sẻ chia ngay từ bây giờ, từ đó học cách chia sẻ với những người xung quanh, có những hành động thiết thực như quyên góp sách vở, quần áo cũ cho trẻ em vùng cao, giúp những người đang trong hoàn cảnh khó khăn ta gặp hàng ngày, mở lòng và lắng nghe nhiều hơn với những người xung quanh..

Phụ lục 2. Rubic chấm bài viết

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG	ĐÃ LÀM TỐT	RẤT XUẤT SẮC
----------	-------------	------------	--------------

	(0 – 4 điểm)	(5 – 7 điểm)	(8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 3. Một số bài văn bia khác

***VĂN BIA ĐỀ DANH TIỀN SĨ KHOA QUÝ MÙI NIÊN HIỆU QUANG THUẬN NĂM THỨ 4 (1463)**

Thánh thiên tử lên ngôi báu đã 4 năm, vận hội văn chương tựa sao sáng, nhân tài như mây hợp. Gặp năm có khoa thi lớn, kẻ sĩ ca bài Lộc minh¹ mà đến, đông tới 1.400 người, để cùng nhau đua tranh tài nghệ trong chốn xuân vi, hạng xuất sắc chọn được 44 người.

Ngày 16 tháng hai, Hoàng thượng ngự ở hiên điện thân hỏi về đạo trị nước của các bậc đế vương; sai bọn Kiểm hiệu Tư đồ Bình chương sự kiêm Đô đốc Đồng Bình chương sự Đông đạo chư vệ quân Nguyễn Lỗi làm Đề điệu, Quốc tử giám Tế tửu Lê Niệm cùng trông coi công việc.

Sáng hôm sau, Tả ty môn Hạ sảnh Tả gián nghị đại phu Tri Bắc đạo quân dân bộ tịch sảnh kiêm Hàn lâm viện Thừa chỉ Học sĩ Nguyễn Như Đổ, Hàn lâm viện Thừa chỉ Học sĩ Tri Đông đạo quân dân bộ tịch Nguyễn Vĩnh Tích, Quốc tử giám Tế tửu Nguyễn Bá Ký dâng quyển lên đọc, Hoàng thượng ngự lãm,

định thứ bậc cao thấp. Ban cho bọn Lương Thế Vinh trở xuống đồ Tiến sĩ cấp đệ, xuất thân thứ bậc có khác nhau.

Ngày 22, Vua ngự điện Kính Thiên, cho gọi loa xướng tên người thi đỗ. Quan Bộ Lễ rước bảng vàng ra yết ngoài cửa Đông Hoa để cho các sĩ tử xem tên. Lại ban áo mũ, yến tiệc để tỏ ý yêu mến đặc biệt, on sủng thật trọng hậu. Nhưng việc dựng đá đề danh vẫn chưa kịp làm, đến nay đã 22 năm, là chỗ thiếu sót của điển lễ.

Nay Hoàng thượng² luôn nghĩ nhân tài là nguyên khí của nước nhà, không thể không ra sức vun trồng bồi đắp; chế độ làm vẻ đẹp cho nước nhà, không thể không xếp đặt rõ ràng đầy đủ. Bèn sai quan Bộ Công khắc đá đề danh dựng ở nhà Thái học. Lại sai bề tôi là Đào Cử soạn bài ký.

Thần kính vâng mệnh sáng, đâu dám viện cớ nông cạn chối từ. Kính cẩn cúi đầu rạp đầu mà dâng lời rằng:

Khí chân nguyên hội hợp rồi sau hiền tài trong thiên hạ mới nảy sinh. Bậc chân chúa lên ngôi tất hiền tài đắc dụng. Cừ Nguyên Khải³ hỏi quan nhạc mục 4, đó là cách dùng người hiền ở đời Nghiêu Thuấn. Trọng người tài năng, thăng dùng bậc tuần kiệt, đó là lối dùng người ở đời Thành Chu, cho nên phong tục tốt lành, nước nhà yên ổn. Xem thế đủ thấy phép trị nước ắt phải lấy việc cử người hiền dùng người tài làm căn bản vậy.

Kính nghĩ Hoàng triều, Thái Tổ Cao hoàng đế đại định võ công, mở mang văn đức, gươm giáo chưa kịp xếp lại đã mở cửa cầu hiền tài, sửa sang văn đức, cổ vũ lòng dân, quy mô thật sâu xa rộng lớn.

Thái Tông Văn hoàng đế nối tiếp mở mang quy mô, tập hợp anh hùng, đặt khoa mục để chọn người hiền tài, tiến cử bậc chân Nho để giúp đời thịnh trị, sự thành công mới rực rỡ làm sao!

Nhân Tông hoàng đế nối theo nếp cũ, kế nối quy mô hiển hách của tiên vương, lấy Nho thuật để tô điểm trị bình, lấy nhân hậu để vun bồi mệnh mạch nước nhà, mà cách chọn kẻ sĩ vẫn theo điển chế cũ.

Nay Hoàng thượng vẻ vang khôi phục cơ đồ, vâng theo mệnh lớn, nhân nghĩa khắp chốn vang danh, văn trị võ công rõ ràng sau trước. Nền giáo hóa lớn đến đây thật tốt đẹp, vâng nguyên khí đến đây thật bao la. Lớn lao thay văn hóa phô bày lan tỏa, cao ngút thay một phen đại chấn Nho phong. Cho nên nhân tài nổi

nhau xuất hiện, lớp lớp kế tiếp. Phàm ai vùng vẫy trên khoảng trời điều liệng, hoặc là xoay quanh dưới đám đất kiến đùn, không ai là không thích như chim bằng vươn cánh bay cao để khoe vẻ đẹp, mong được thử sức đua tài giữa đời thịnh trị. Khoa này là khoa thứ nhất trong buổi Trung hưng, chọn được nhiều người giỏi, rục rờ hơn cả đời xưa, nhân tài được tuyển dùng trong ngoài rất đông. Người sắp đặt chấn hưng lễ nhạc, kẻ chuyên giữ việc văn từ, đông như cá nổi đuôi, như ve liền cánh. Người giữ biên cương hoặc làm thú lệnh đông đảo sát cánh kẻ vai. Quê Thái trong Kinh Dịch nói: "Nhỏ cỏ tranh được luôn cả cụm rễ"⁵, Kinh Thi nói: "Nhà Chu hiền sĩ đông đúc, bởi vua biết dùng người" đều là nói về việc thịnh như thế. Có lẽ trời trao cho Thánh thượng sự tốt lành của nền văn minh muôn đời đó chăng?

Đến nay chế độ văn vật rõ ràng sáng suốt, khắc vào bia đá dựng ở nhà Quốc học, một là để làm thịnh điển của triều vua sáng, hai là để làm vinh quang cho kẻ sĩ, soi tỏ mai sau, ngụ lời khuyến khích.

Kẻ sĩ may mắn được ghi danh vào tấm đá này, phải làm cho danh đúng với thực, sửa nét giữ mình, bắt chước Văn Hiến giữ lòng, đừng theo Công Tôn học hành xiên vạy. Thanh danh đức hạnh phải như Triệu Duyệt Đạo, khí tiết cứng cỏi phải giống Phạm Cảnh Nhân. Những người ở chức tháp tùng hầu vua phải lo dâng tiến mưu hay, những người nắm giữ kỷ cương phải lo làm cho chính sự trong sạch, những người cai trị địa phương phải lo làm sao rạng tỏ đức bề trên mà thấu tình người dưới, những người giữ quyền chặn dân phải lo sao cho nơi mình làm quan dân được no đủ mà gốc nước được vững bền. Ngõ hầu trên không phụ thịnh ý của triều đình ban khen, dưới không phụ hoài bão lớn muốn phò vua giúp nước, để danh dự được lưu lại đời đời, danh thơm truyền mãi mãi, khiến cho người đời đến xem đọc bia đá này, chỉ vào tên mà nói: đây là những người trung với nước, hiếu với dân, bàn nói ngay thẳng làm sáng thánh đạo, giữ vững đạo đức kiến lập công lao, được như thế là may mắn lắm. Nếu không được thế thì người xem đưa mắt bảo: kẻ này nhu nhược, kẻ này đức mỏng, kẻ này hèn nhát v.v... Công luận còn đó, há chẳng nên cẩn thận lắm sao?

Xem thế đủ biết Thánh thiên tử có ý ban khen khuyến khích rất sâu sắc, lòng kỳ vọng rất mực, sự khích lệ cao cả chân thành hơn cả xưa nay. Đó là vì vua muốn được người chân Nho giúp việc trị nước, truyền lại cơ đồ tốt đẹp cho con cháu đời sau. Thế thì việc khắc đá đề danh chẳng những là tốt đẹp cho đất nước muôn vạn năm, mà cũng là phúc lớn cho con thần cháu thánh muôn vạn đời.

Thần kính cẩn làm bài ký.

Hiển cung đại phu Hàn lâm viện Thị giảng Đông các Hiệu thư Đào Cừvâng sắc soạn.

Cẩn sự Thị lang Trung thư giám Chính tự Nguyễn Tùng vâng sắc viết chữ (chân).

Mậu lâm lang Kim quang môn Đãi chiếu Tô Ngại vâng sắc viết chữ triện.

Bia dựng ngày 15 tháng 8 niên hiệu Hồng Đức thứ 15 (1484).

* VĂN BIA ĐỀ DANH TIẾN SĨ KHOA NHÂM TUẤT NIÊN HIỆU CẢNH THỐNG NĂM THỨ 5 (1502)

Mở khoa thi Tiến sĩ là quy chế đã định sẵn để kén chọn kẻ sĩ, khắc đá đề danh cốt để rộng rãi khuyến khích nhân tài. Các triều trước đều lấy đó để làm sáng tỏ nhân văn, thánh triều cũng lấy đó để nâng cao hiệu quả trị đạo. Đại khái kinh điển giáo hóa lớn của triều đình hàm chứa trong đó, đâu phải chỉ để ghi sự việc cho đẹp mắt mà thôi đâu!

Mùa xuân năm Nhâm Tuất niên hiệu Cảnh Thống thứ 5 (1502), Bộ Lễ theo lệ cũ, mở khoa thi Hội các Cử nhân trong nước, số dự thi đông đến 5000. Qua bốn trường lấy trúng cách được 61 người, đưa tên dâng lên. Hoàng thượng đích thân hỏi thi ở sân rồng. Sai Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân Đô đốc phủ Tả Đô đốc Nam quân Phò mã đô úy Lâm Hoài bá Trụ quốc Lê Đạt Chiêu, Hộ bộ Thượng thư Vũ Hữu, Binh bộ Tả Thị lang Dương Trực Nguyên, Ngự sử đài Thiêm Đô Ngự sử Bùi Xương Trạch chia giữ các việc. Lễ bộ Thượng thư Tả xuân phường Tả dụ đức kiêm Đông các Đại học sĩ Đàm Văn Lễ, Lễ bộ Thượng thư kiêm Hàn lâm viện Thị độc Chương Hàn lâm viện sự Nguyễn Bảo, Lễ bộ Tả Thị lang kiêm Đông các Học sĩ Lê Ngạn Tá; Quốc tử giám Tế tửu Hà Công Trình, Tư nghiệp Hoàng Bôi, Thái thường Tự khanh Nghiêm Lâm dâng quyển lên đọc. Hoàng thượng đích thân xem xét, ban cho bọn Lê Ích Mộc 3 người đỗ Tiến sĩ cập đệ, bọn Nguyễn Cảnh Diễn 24 người đỗ Tiến sĩ xuất thân, bọn Phạm Khiêm Ích 34 người đỗ đồng Tiến sĩ xuất thân.

Tư thiên giám chọn ngày tốt, Hoàng thượng ngự điện Kính Thiên, sai truyền loa xướng tên người thi đỗ, trăm quan mặc triều phục chúc mừng. Mấy năm trước bảng vàng treo ngoài cửa Đông Hoa, năm nay sai Bộ Lễ rước bảng có trống nhạc dẫn trước, đem treo ngoài cửa nhà Thái học, cốt khiến cho sĩ tử nhìn thấy mà thêm phần khích lệ. Ân vinh ban theo thứ bậc, thầy đều theo lệ cũ. Quan Bộ Công theo lệ khắc đá đề danh để truyền tới lâu dài. Sai từ thần soạn bài ký. Thần là Đàm Văn Lễ kém cỏi, giữ trách nhiệm soạn thuật, không dám lấy có quê mùa chối từ.

Thần trộm nghĩ: đời Thành Chu bắt đầu có khoa tuyển Tiến sĩ¹, đến đời Đường Tống rất thịnh hành, nhân tài nổi nhau xuất hiện, nền chính trị mở mang đầy đủ, sách vở còn ghi chép rõ ràng có thể tra cứu được.

Kính nghĩ liệt thánh triều ta, dựng nhà học, chuộng văn Nho, đặt khoa thi lấy học trò, mở nền thịnh trị thái bình muôn thuở. Sở dĩ có thể sửa sang thế đạo, tô điểm hoàng đô, tôn cho vua được như Nghiêu Thuấn, khiến cho dân được như dân thời Đường Ngu, há chẳng phải do khoa mục chọn hiền tài mà đạt được hay sao?

Kính nghĩ Hoàng đế bệ hạ, sự nghiệp nối tiếp hai vua, truyền thống kế thừa bốn thánh, chăm lo học đạo, trần trở cầu hiền. Bao nhiêu điều quan yếu trong phép trị đạo của các đế vương thuở trước, cách thức cầu tìm hiền tài, phép thi cử chọn người đều được quán triệt, mở mang, trau dồi thêm đẹp. Quy phạm nghiêm ngặt, xử trí chặt chẽ, lựa chọn kỹ càng, thật đã chu đáo hết mức vậy. Nhờ thế danh sĩ tụ hội rất đông, người tài tìm đến, lựa chọn được nhân tài hơn hẳn mấy đời trước. Kẻ sĩ gặp thời cá nước, được hội gió mây. Người được dự vào hàng thị tòng, người vào ban gián nghị, hoặc sung chức ở các bộ các ti vẫn nên giữ tiết trung thành, trau dồi đức hạnh, nuôi ý chí, gắng sự nghiệp, bắt chước Cao, Quý, Chu, Thiệu², sánh hàng Hàn, Lục, Âu, Tô³, tiếng để đời mình, công dành hậu thế, trên không phụ thịnh ý triều đình cất nhắc, dưới không phụ ý chí hoài bão thường ngày. Được như vậy thì tấm đá này khắc ra, càng lâu càng thêm sáng vậy. Nếu như sau trước khác nhau, ngoài là ngọc mà trong là đá, hoặc học tà như Công Tôn, hoặc biến tiết như Nguyên Chân, hoặc nham hiểm như Đinh Vị, hoặc gian tà như An Thạch, những điều người ta đọc thấy không giống như dư luận người ta đã nghe, việc làm trái với điều đã học, thì người đời sau xem bia sẽ chỉ vào tên mà chỉ trích chê cười, ngàn năm sau, tấm đá này đã bị tì vết thì làm sao có thể mài rửa được?

Quyền vua phép nước ngời ngời, thanh danh giáo hóa nghiêm nghị, các bậc quân tử có thể nào lại không tự trọng hay sao!

Thượng thư Bộ Lễ, Gia hạnh đại phu Tả xuân phùng Tả dụ đức kiêm Đông các Đại học sĩ Khuông nghĩa doãn Đàm Văn Lễ vâng sắc soạn.

Bia dựng ngày 10 tháng 11 niên hiệu Cảnh Thống thứ 5 (1502).

TIẾT 9. THỰC HÀNH ĐỌC MỞ RỘNG

VĂN BẢN: THẾ GIỚI MẠNG VÀ TÔI

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ Học sinh nêu một số thông tin về tác giả và tác phẩm
- ❖ Học sinh nhận biết được sức hấp dẫn riêng của cách nghị luận dưới hình thức tâm sự, thổ lộ
- ❖ Học sinh phân tích được những điểm tích cực và tiêu cực mà thế giới mạng đối với cuộc sống của con người.
- ❖ Học sinh đánh giá về thái độ của con người trước thế giới mạng.

2. Về năng lực

Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ để đọc hiểu văn bản

3. Về phẩm chất: có cái nhìn đúng đắn về thế giới mạng cả mặt tích cực và tiêu cực của nó đối với cuộc sống của con người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ	
a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học	
b. Nội dung thực hiện:	
❖ GV đặt câu hỏi: Em hãy nêu một số chủ đề đang hot trên mạng xã hội những ngày gần đây. Theo em sự phát triển của thế giới mạng và các phương tiện internet như facebook, Instagram, twitter,... có ảnh hưởng như thế nào đối với đời sống của con người ngày nay. ❖ HS suy nghĩ và trả lời	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	Gợi ý đáp án

GV đặt câu hỏi và chia sẻ video về các vấn đề hot diễn ra những ngày gần đây Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	Những chủ đề đang hot những ngày gần đây: - Cháy rừng - Bạo lực gia đình - Bạo lực trẻ em - Bạo lực học đường - Học sinh nghiện game...
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh nêu một số thông tin về tác giả và tác phẩm ❖ Học sinh nhận biết được sức hấp dẫn riêng của cách nghị luận dưới hình thức tâm sự, thổ lộ ❖ Học sinh phân tích được những điểm tích cực và tiêu cực mà thế giới mạng đối với cuộc sống của con người. ❖ Học sinh đánh giá về thái độ của con người trước thế giới mạng. b. Nội dung thực hiện: ❖ Học sinh tìm hiểu về tác giả, tác phẩm và khái quát chung ❖ Học sinh chia nhóm tìm hiểu về mặt tích cực và mặt tiêu cực của thế giới mạng đối với con người ❖ Học sinh phát vấn – thảo luận đánh giá về cách nhìn nhận thế giới mạng thông qua một trải nghiệm cá nhân.	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm 4 để tìm hiểu về tác giả - tác phẩm Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành làm bài Bước 3. Báo cáo, thảo luận	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Nguyễn Thị Hậu sinh năm 1958 tại Hà Nội, là tiến sĩ khảo cổ học, được nhiều người biết tới với tên Hậu "khảo cổ". Hiện bà đang giảng dạy tại Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	TP HCM và là Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển TP HCM, Phó Tổng thư ký Hội khoa học lịch sử Việt Nam và Tổng Thư ký Hội Sử học TP HCM. Bà có nhiều công trình nghiên cứu về các nền Văn hóa Óc Eo, Đồng Nai, Sa Huỳnh, khảo cổ học đô thị TP Hồ Chí Minh... Bà cũng xuất bản nhiều cuốn sách ở các thể loại như ký, truyện ngắn, tản văn... Một số tác phẩm của bà: Thế Giới Mạng Và Tôi, Ngắn & Rất Ngắn (đồng tác giả với Nguyễn Thị Minh Thái),... 2. Tác phẩm - Trích trong sách “Thế giới mạng và tôi” xuất bản năm 2014
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Học sinh chia nhóm thực hiện trả lời các câu hỏi đặt ra của giáo viên. - Trong văn bản, tác giả đã nêu lên những điểm tích cực nào của thế giới mạng đối với con người? - Bên cạnh những điểm tích cực ấy, tác giả cũng đưa ra mặt hạn chế của thế giới mạng đối với con người, em hãy chỉ ra những điểm đó. - Theo em, chúng ta nên làm gì để tránh mắc phải những điều tiêu cực như trên? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	II. Đọc hiểu văn bản 1/ Mặt tích cực của thế giới mạng mang lại qua góc nhìn của tác giả - Trên mạng, chúng ta có thể thể hiện nhiều trạng thái cảm xúc: kiêu ngạo, yếu đuối, hài hước, lãng mạn, nghiêm trang, nhạt nhẽo, thú vị, độc đoán,.. một cách thoải mái - Chúng ta có thể được hóa thân thành các nhân vật khác nhau: nhà khoa học, nhà thơ, nhà văn, nhà phê bình, thoải mái bình luận về văn hóa nghệ thuật, nhân vật, sự kiện. - Ở đó, chúng ta có thể trở về thời tuổi teen, có thể tự tin thể hiện mình và được bình đẳng khi được bày tỏ, bộc lộ, bức xúc, tán thưởng, phản đối, tranh luận, đồng tình,.. - Khi ở trên mạng, con người có cảm giác nổi cô đơn, lo lắng như được nhẹ bớt, giải tỏa. - Chúng ta có thể thoải mái xây dựng các mối

Học sinh thực hành làm bài Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	quan hệ xã hội, cũng có thể thoải mái cắt đứt nó. - Khi tham gia vào câu chuyện của người khác qua mạng có thể sẽ để lại ấn tượng cho bạn. - Ở trên mạng, bạn có quyền tự do ngôn luận, chỉ cần là chính mình là được. - Khả năng chia sẻ và cộng hưởng nhiều lần, từ những mối quan hệ “ảo” , ta có thể tìm ra những người bạn thực sự. 2. Mặt tiêu cực của thế giới mạng đối với cuộc sống của con người. - Bên cạnh những điểm tích cực thế giới mạng mang lại như giảm bớt sự cô đơn của con người, thì việc lướt mạng như thế có thể khiến ta cô đơn trên mạng nhiều hơn. - Trên mạng, nếu chúng ta đi quá giới hạn trong từ ngữ, cách nói chuyện sẽ có thể gặp các hậu quả như: từ khen chê tang bốc đến mạt sát, có thể hủy diệt một cá nhân bất cứ lúc nào. - Tình bạn trên mạng có thể từ “ảo” thành “thật” nhưng qua một thời gian có người bạn “thật” lại có thể thành ảo, mối quan hệ bền chặt có thể rạn nứt. 3. Thái độ của tác giả trước những ảnh hưởng từ thế giới mạng đối với cuộc sống - Tác giả vừa chỉ ra những điểm tích cực thế giới mạng đem lại đối với cuộc sống nhưng cũng xen kẽ những điều tiêu cực khi chúng ta lạm dụng quá giới hạn. - Tác giả cho rằng thế giới mạng là tấm gương phản ánh cuộc sống cả về những điều tốt đẹp
--	---

	và cả những điều xấu xa. - Cuối cùng, tác giả vẫn chọn cách lướt mạng mỗi ngày vì thế giới ấy mang lại cảm giác cuộc sống này phong phú, đa dạng luôn đặt con người trước những thử thách khi đối diện với tấm gương phóng đại của cuộc sống. => Cần phải tỉnh táo để nhìn nhận ra giá trị của bản thân và của những người xung quanh. III. TỔNG KẾT 1. Nội dung - Văn bản cho thấy hai mặt của thế giới mạng đối với cuộc sống của con người, mặt tích cực và mặt tiêu cực. Tác giả đã nhấn mạnh việc con người cần chủ động trước thế giới mạng để biết tận dụng nó một cách hợp lý, có ích, làm chủ được bản thân không chỉ trên mạng mà còn ngoài đời thực. 2. Nghệ thuật Với hình thức tâm sự, thổ lộ, bài nghị luận khiến độc giả cảm thấy gần gũi, dễ dàng tương tác và đón nhận những ý kiến, không cảm thấy đây như một bài dùng để phê phán hay khuyên răn, yêu cầu.
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh tổng hợp được kiến thức đã học qua văn bản bằng hình thức vẽ sơ đồ tư duy b. Nội dung thực hiện HS tóm tắt nội dung bài học và vẽ sơ đồ tư duy tổng hợp kiến thức trong văn bản.	

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ: HS vẽ sơ đồ tư duy nội dung của bài học Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Sơ đồ tư duy của học sinh
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh cảm nhận và liên hệ được những ảnh hưởng của việc nghiện facebook của giới trẻ ngày nay. b. Nội dung thực hiện: HS viết đoạn văn ngắn bàn luận về chủ đề “ Ảnh hưởng của việc nghiện facebook đối với giới trẻ ngày nay”.	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện thảo luận Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	HS tham khảo bài mẫu ở phụ lục

Phụ lục 1. Rubic đánh giá thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 2. Bài làm tham khảo

Hiện nay cùng với sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin đã cho ra đời nhiều mạng xã hội. Nhắc đến mạng xã hội thì không thể thiếu Facebook – một trang mạng rất quen thuộc đối với thế giới nói chung và Việt Nam ta nói riêng. Không thể không nhắc đến những gì mà mạng xã hội làm được cho con người: giao lưu, kết bạn, giải trí, quảng bá thương hiệu, bán hàng... Nhưng chúng ta cũng không phủ nhận những tác hại khôn lường từ mạng xã hội mang lại. Mạng xã hội đã và đang làm mất quỹ thời gian ngắn ngủi của con người. Quá tập trung mạng xã hội, chúng ta dường như quên rằng mình phải làm rất nhiều việc. Quá rong chơi trong thế giới ảo ta quên mất mình cần sống cho mình, cho mọi người xung quanh. Chính mạng xã hội đang dần dần thủ tiêu mọi giao tiếp của con người. Ngồi đâu, ở đâu đâu bạn cũng chỉ thấy người ta cúi đầu vào điện thoại và quên đi việc phải trò chuyện cùng nhau. Đó là chưa nói đến việc những thông tin trên mạng xã hội là thông tin chưa qua kiểm chứng, thật giả lẫn lộn. Chẳng những gây hại về sức khỏe, sản phẩm công nghệ này còn tác động tiêu cực về mặt tinh thần của con người, đặc biệt là giới trẻ. Do nguồn thông tin trên mạng không có ai giám sát, kiểm duyệt nên còn tràn lan rất nhiều thông tin sai lệch, văn hóa phẩm đồi trụy, trong khi giới trẻ còn chưa đủ nhận thức để sàng lọc thông tin, dễ dẫn đến nhận thức lệch lạc, kéo theo đó là hành động sai lầm. Bị kẻ xấu lợi dụng tên tuổi, hình ảnh vào những việc làm phạm pháp gây ảnh hưởng tới uy tín và lòng tin của người khác. Có nhiều học sinh cũng chính vì nghiện mạng xã hội mà việc học tập ngày càng đi xuống. Lo sống ảo nên quên mất bản thân cần phải cố gắng trong đời thực. Bởi vậy chúng ta cần nhận thức được ý nghĩa thực sự của mạng xã hội và cần phải sử dụng mạng xã hội một cách thông minh và phải làm chủ nó cũng như làm chủ được bản thân trước những cám dỗ.